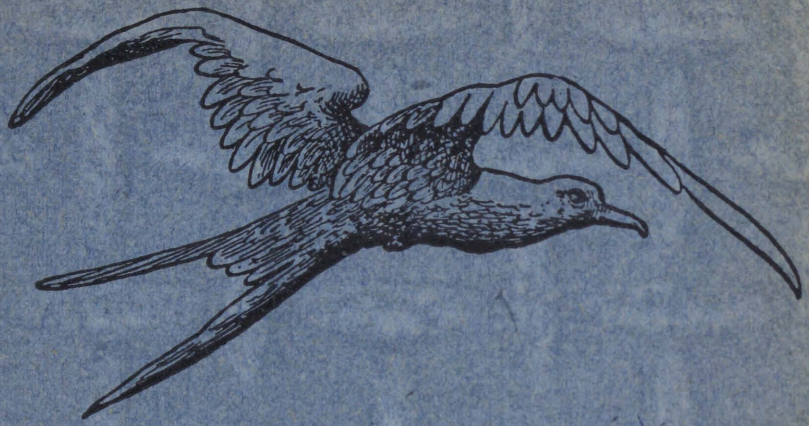
歌箋詩體格



AVIA

Quán Ven Đường mượn quyển sách nầy từ Thư Viện Trường Đại Học Yale để quí khách cần thì tham khảo Đây chỉ là miếng giấy ghi note, có thể gở ra không làm hư quyển sách.
Chủ quán kính cáo.

歌謠體格

Ca dao thể cách.

Lối hát Ả đào có nhiều điệu hát, nhưng vì đã lâu thất lạc mất nhiều, không có một quyển nào là đủ, đây tôi góp nhặt có hàng bảy, tám quyển, mỗi quyển có độ mấy bài, nhưng mà vẫn còn thiếu, vì là có nhiều đầu bài hát mà không có bài hát.

各 調 喝 衛 奼 媧.

Các điệu hát về Ả-đào:

Giáo hường

((教 香 Giáo hường))

Quản giáp hát tức là Hép hát.

皇 圖 鞏 固

Hoàng đồ củng cố,

帝 道 遐 昌

Đế đạo hà xương.

管 甲 僻 登 上 格 教 香.

Quản-giáp lối giảng cách giáo hường.

朱 沛 法 格 芾 教 意.

Cho phải phép cách nào giáo ấy.

Nhạc hường

((樂 香 Nhạc hường))

Đào nường hát. tức là Cô đào hát.

巍 暄 沒 嗰 持 埃.

Ngồi nghe một tiếng chảy ai;

嗰 寬 嗰 日.

Tiếng khoan tiếng nhặt,

脂 冬 長 聰 律 味 香.

Đêm đông tường gió lọt mùi hường.

祝 聖 君 鬪 塘 治 道.

Chúc thánh quân mở đường trị đạo,

鴈 飛 紫 塞 舍 吏 回 歸.

Nhạn phi tử tái, xá lại hồi quy.

咳 鴈 箕 從 吏 塘 低.
Hỡi nhạn kìa gịch lại đường đây.

朱 戈 喂 侶
cho qua nhử mấy.

森 福 付 者 廊 朌.
Trầm phúc phó giả lang nay:

喪 羅 富 貴 調 舒 欣 歌 ɣ.
Ơi là phú quí đều tay hỏn người.

Chờ hường
Đào nường hái.

((詩 香 浪 Chờ hường rằng)).

1 沒 揠 香 贊 透 九 天.
Một nén hương thơm thơm cửu thiên.
邐 蝀 南五 式 月 僮 印.
Mây, rồng năm thức nguyệt tưởng in,
敬 誠 仍 煖 緣 香 炤.
Kính thành những bén duyên hương lửa,
粨 粨 榮 花 億 萬 年 ɣ.
Rõ rỡ vinh quang ức vạn niên.

2 沒 揠 香 贊 透 朌 吝.
Một nen hương thơm thấu chín tần,
敬 天 敬 地 敬 靈 神.
Kính thiên, kính địa, kính linh thần,
字 浪 一 念 通 三 界.
Chữ rằng nhất niệm thông tam giới,

朋 壽 閂 職 治 閂 民.
Mừng Vua muôn tuổi trị muôn dân /.

Cam thanh.
Dão mừng hát.

((三 聲 Cam thanh))

朋 壽 閂 職 御 凱 蟧.
Mừng Vua muôn tuổi ngự ngai rồng.

朋 壽 閂 職 麵 蟧 熙 熙.
Mừng Vua muôn tuổi mặt rồng hây hây.

廊 低 武 貂 封 侯.
Lang tây vũ chúa phong hầu.

廊 低 文 占 杜 頭 魁 元.
Lang tây văn chiếm đỗ đầu khôi nguyên.

幸 吊 坐 拷 高 皇.
Hạnh (may) nào giòi tựa Cao-hoàng.

蟧 鼳 沛 邑 鳥 江 蹴 朝 /.
Rồng bay Bái-ấp, Ô-giang triều về /.

Thét nhạc:
Dão mừng hát.
Một người hát
hai người múa
giỏ đi giỏ lại.

((吻 樂 Thét nhạc))

彈 埃 汶 啫 揚 箏.
Dán ai một tiếng dương tranh.

暴 玉 鳥 兎 恤 懷 哀 怨.
Chuỏ ngọc ô dã não nùng ai oán.

持 埃 擐 啫 披 排.
Chầy ai nện tiếng bè bai.

嘺 得 帳 錦 如 吹 千 愁.
Ghẹo người tưởng gấm như xui cơn sầu.

聆 聰 暄 嘴 樂 韶 嘆.
Vắng tai nghe tiếng nhạc thiều tấu,
聽 暄 鐘 揀 兜 兜 吏 停.
Láng nghe chuông dóng dâu dâu tại giường.
牧 自 睬 唏 陽 潭 蔭.
Nhớ từ thuở hồi dương đầm âm,
南五 式 璽 雯 粘 粘 岂 歪.
Nam thức may che rỡ rỡ ngất giời,
箕 茹 埃 囿 丐 雨 簑.
Kìa nhà ai có cái vũ thời,
懍 悉 得 添 帖 魄 枚.
Cạnh bóng người thêm thiếp hồn mai,
怕 愁 尼 悯 咀 穷 埃.
Giận sầu này biết thở cùng ai.
磬 埃 磬 埃.
Khánh ai khánh ai,
免 暄 嘴 磬 愁 掀 边 聰.
Dễ nghe tiếng khánh sầu gửi bên tai,
愶 西 愶 西
Niềm tây niềm tây,
嫌 為 沒 餒 斷 腸.
Hiềm vì một nỗi đoạn trường,
嘴 影 鐺 掀 掀 歌 寬.
Tiếng đỉnh đang gửi gửi ca khoan.

董 鼎 奄 催 寬 吏 日.
Dưng đỉnh đã thôi khoan lại nhật,
淮 南 軒 特 髁 靈 蟲.
Chốn nam hiên giải vẻ mây rồng,
粩 粩 愽 春.
Rõ rỏ mừng xuân,
刻 快 隘 輸 脈 聸 彷 彿.
Khắc khoải lường thâu đêm nghe phảng phất,
蓼 梧 相 用 蓼 梧 相 鼜.
Lá ngô đồng dụng lá ngô đồng bay,
意 霜 燥 煂 靈.
Ý sương tỏ lọt mây,
丕 鞤 聸 嗜 持.
Vậy ngôi nghe tiếng chầy.
猥 淹 湖 淯 碧 尬 曲 捥 扇.
Con sông hồ nước biếc chín khúc quanh quanh.
滾 淯 竜 玲
Dáy nước long lanh,
鴣 嗃 巴 嗜 連 空.
Chim kêu ba tiếng trên không.
花 蔔 律 迢.
Hoa cỏ giật giù,
使 臣 吳 醬 蝑 糆 玉.
Sứ thần Ngô mấy ngại mặt ngọc.

容 魂 哀 怨 相 思 絆 恚 ./.
Dung hồn ai oán tương tư bận lòng ./.

Giáo trông
Quản giáp hải

((教 鼜 Giáo trông))
邋 和 霡 順 .
Gió hoà mưa thuận .
波 瀙 淹 瀧 .
Bể lặng sông trong .

𢆥 揲 安 僂 蜆 弹 蠔 .
Dả giệp yên lũ hiền , dan ong .
吁 扜 鞹 暄 倅 教 鼜 ,
Xín ngỏ cửa nghe tới giáo trông ,
越 自 網 罟 歌 扶 菜 .
Việt tư võng cỏ ca phù lai ,
衆 禮 樂 各 調 從 古 ./.
Trong lễ nhạc các điều tùng cổ ./.

Nam xướng .
Quản giáp hải .
1

((男 倡 Nam xướng))
嵩 呼 巴 嗜 吻 呃 .
Cung hô ba tiếng thét ran .
襖 祜 堯 舜 帶 巾 皐 夔 .
Áo xiêm Nghiêu, Thuấn, đai cân Cao, Quì .
耿 丹 墀 韶 嗼 余 扒 ,
Vẳng dan tư thiều tấu máy bát ,
至 妗 吝 捾 泣 味 贊 ./.
Giới chín lần vẫy khắp mùi thơm ./.

2 嗜 油 翁 諸 葛 来 生.
Ví dư ông Gia - Cát lai sinh,
業 劉 坤 氪 鄰 栖 埃 抮.
Nghiệp Lưu khôn rẽ vê tay ai cầm.
糊 英 雄 留 心 敵 慨.
Giai anh hùng lưu tâm địch khái,
扶 中 興 挽 吏 如 春 /.
Phù trung hưng đem lại nhã Vua /.
3 翁 周 瑜 連 岗 南 平.
Ông Chu - Du lên núi Nam - bình,
覽 船 曹 兎 如 形 許 都.
Thấy thuyền Tào đại như hình Hứa - đô,
三 江 口 周 瑜 放 火.
Tam - giang - khẩu Chu - Du phóng hoả,
蚪 曹 兵 駮 過 江 東 /.
Đuổi Tào binh chảy quá Giang - đông /.
4 高 山 流 水 遇 知 音.
Cao sơn lưu thủy ngộ tri âm.
千 愠 吏 掖 曲 琴 歌 遡.
Cơn buồn lại gẩy khúc cầm ca chơi.
翁 呂 洞 賓 吁 嗡 當 退.
Ông Lã - động Tân vo ve dịch thổi,
彈 伯 牙 孚 掖 南 五 宮 /.
Đàn Bá - Nha vừng gẩy năm cung /.

Hà nam cách :
Quản giáp hải

1

((河南格 Hà nam cách))

趣 茀 惱 欣 景 南 山.
Thú não nùi hớn cảnh Nam Sơn.

舩 棱 怒 岸 樁 逿 迍 邋.
Góc nũng nọ ngàn thông đứa đới gió.

回 頭 頂嶺 三 千 里 路.
Hồi đầu lĩnh tam thiên lý lộ.

顧 目 江 山 萬 頃 濤.
Cố mục giang sơn vạn khoảnh đào.

泣 香 尽 世 界 吻 嗷.
Khấp hường giới thế giới ngạt ngào.

頂 松 嶺 邋 拎 揲 拍.
Đỉnh tùng lĩnh gió giũng díp phách.

尼 膞 崙 涕 拽 派 派.
Nói suỗn núi nước đầm rách rách.

八 吻 台 山 上 頂 松.
Bát ngát thay sơn thượng đỉnh tùng.

掰 排 泛 竹 琴 樁 ∕.
Bẻ bai phím trúc, cầm thông ∕.

2

翁 劉 備 屯 兵 羊 沛,
Ông Lưu - Bị đồn binh Tiêu - bái,

暴 群 當 將 弱 兵 微.
Thuở còn đương tướng nhược binh vi.

遇 紀 玲 十 萬 雄 師.
Ngộ Kỷ - Linh thập vạn hùng sư.
馳 驅 破 幅 城 下 寨.
Trì khu phá bức thành hạ trại.
呂 奉 先 用 謀 和 解.
Lá - phụng - Tiên dụng mưu hoà giải.
分 小 支 射 擊 轅 門.
Phân tiểu chi xạ kích viên môn.
弓 開 如 遊 月 行 天.
Cung khai như du nguyệt hành thiên.
矢 發 似 星 流 落 地.
Chỉ phát tự tinh lưu lạc địa.
手 拎 揔 紀 玲 劉 備.
Tay cầm giải Kỷ - Linh, Lưu - Bị.
囉 勸 兩 家 相 解 兵 戎.
Khuyên lưỡng gia tướng giải binh nhung.

擒 軸 三 國 英 雄 1.

So trong tam - quốc anh hùng 1.

3 陣 赤 壁 孫 劉 叶 力.
Trận Xích - bích Tôn, Lưu hiệp lực.
翁 孔 明 用 灼 呼 風.
Ông Khổng - Minh dụng chước hô phong.
七 星 坛 水 遶 三 重.
Thất tinh đàn thủy nhiễu tam trùng.

周圍驞台二迸眾丈.
Chu vi rộng hai mươi bốn trượng,
盍角亢斗牛之象.
Hoạ giác, cang, đẩu, ngưu chi tượng.
琂旗翲翲鼐靄撐鐇.
Ngọn cờ bay bảng, đỏ, xanh, vàng.
排寶劍架長竿.
Bầy bảo kiếm, giá trang can.
旌旗與戈矛爍日.
Tinh kỳ dử qua mâu xán nhật,
同同沒東風邋迭.
Dũng dũng nổi đông phong giật,
琂旗翲法派坛前.
Ngọn cờ bay pháp phới dan tiền.
寔才倘地經天.
Thực tai vì địa kinh thiên.

4 德聖關下卹暴怒.
Đức Thánh-Quan Hạ-bì thuở nọ,
覽張遼罟嘮降曹
Thấy Trương-Liêu ra nhử hàng Tào,
德聖關唧浪些固巴調交.
Đức Thánh Quan rằng ta có ba điều giao,
曹固貂底朱些扔.
Tào có chịu để cho ta nghỉ.

沒 畏 停 吝 橋 尼 堆 姊
Một là đứng lẫn quất nói đối chị,
台二 畏 些 降 漢 不 降 曹
Hai là ta hàng Hán bất hàng Tào.
巴 畏 翁 玄 德 簪 尼 覓
Ba là ông Huyền-Đức ở nói nao,
喟 斬 黜 拱 尋 趙 朱 悧
Dầu nghìn dặm cũng tìm đi cho biết,
嗟 哏 咘 丁 寧 指 決
Nhời gắn bó đinh ninh chỉ quyết.
拯 聒 些 些 拱 拯 衝
Chẳng nghe ta ta cũng chẳng xong.
擸 衆 三 國 英 雄 /
So trong tam quốc anh hùng /.
5 翁 周 公 寔 畏 才 大 聖
Ông Chu-công thực là tài đại thánh.
欺 朝 侯 留 輔 成 王
Khi thiếu hậu lưu phụ Thành-vương.
沛 啞 嚟 兎 伴 雛 狼
Phải nhời gièm đã bận đuổi lang,
赤 寫 吏 踏 汚 東 土
Xích tích lại giáo miễn đông thổ.
慨 兎 圄 意 否 西 顧
Cậy đã có lòng giúp tây cơ.

进 森 辭 袷 襖 從 容.
Mười lăm năm xiêm áo thung dung.
賢 悧 哏 天 道 至 公.
Mới biết rằng thiên đạo chí công,
忺 忠 拱 勤 悉 獳 子.
Cảm trung cùng dộng lòng như tử.
陣 風 雷 揀 書 墨 覽 穿.
Trận phong lôi rỏ thư ra thấy chữ.
吏 逴 踦 扶 立 王 家.
Lại nước về phù lập vương gia,
嗿 油 空 陣 風 波.
Ví dù không trận phong ba,
寔 虛 埃 悧 忠 邪 埃 哈 /.
Thực hư ai biết trung tà ai hay /.
6 曹 操 磬 奸 雄 第 一.
Tào - Tháo xưa gian hùng đệ nhất,
立 黃 城 虎 視 江 東.
Lập Hoàng - thành hổ thị Giang - đông.
龐 士 元 謀 計 爭 雄,
Bàng - Sĩ - Nguyên mưu kế tranh hùng,
喻 特 操 連 環 朱 善 戰.
Dụ được Tháo liên hoàn cho thiện chiến,
東 風 不 與 周 郎 便.
Đông phong bất dữ Chu - Lang tiện.

銅 雀 春 深 鑽 二 嬌.
Đồng tước xuân thâm toả nhị kiều.
秩 覽 唁 水 艦 連 抹.
Chột thấy tin thuỷ hạm liên cau.
周 瑜 買 乘 風 放 火.
Chu - Du mưới thừa phong phóng hoả.
滝 赤 壁 同 同 陣 焰.
Sông Xích - bích dung dung trận lửa.
曹 阿 瞞 裂 胆 摧 肝
Cao - a - Man liệt đởm tồi can,
悉 歪 拧 仉 坤 頑.
Lòng giời lừa kẻ khôn ngoan.

Nói nam
Quản giáp hát.

((吶 南 Nói nam))

1

疾 風 寒 歲 分 堅 委
Tật phong hàn tuế phân kiên uỷ,
泰 嶺 鴻 毛 等 重 輕.
Thái lĩnh, hồng mao đẳng trọng khinh.
可 嗜 歎 掇 凭 孤 城.
Khá khen người chống vững cô thành.
為 恩 碟 沛 袱 騎 心 弭.
Vì ơn nặng phải lấy mình làm nhẹ.
千 倉 卒 從 容 隨 默 世.
Còn thảng thốt thong dong tuỳ mặc thế.

双 拱 料 節 砆 買 肝 鑌
Song cũng liệu tiết đá mấy gan vàng.
廟 三 忠 煊 炕 傀 香
Miếu tam-trung nghi ngút khói hương.
頭 薦 底 心 劘 千 古
Giấu thơm để tấm gương thiên cổ,
人 生 自 古 誰 無 死
Nhân sinh tự cổ thuỳ vô tử,
留 得 丹 心 照 汗 青
Lưu đắc đan tâm chiếu hãn thanh.
摟 咗 磉 麿 吶 仉 忠 貞
Mười nhời xưa mà vững kẻ trung trinh,
悶 世 道 𠀧 塔 戚 氣 節
Mừng thế đạo đã xây nên khí tiết,
揗 垄 坦 鬫 垀 南 越
Cột giữ, dất mở nên Nam-việt.
挽 姓 名 麿 記 買 鉄 輪
Đem tính danh mà ghi mới sát son,
男 兒 局 𠀧 旌 鯩
Nam nhi cuộc đã vuông tròn.

2 渾 不 覺 一 天 向 夕
Hồn bất giác nhất thiên hướng tịch,
月 斜 窓 煙 斜 篆 竹 斜 枝
Nguyệt tà song, yên tà tuyện, trúc tà chi.

局 醉 醒醉 半 醒醒 半 迷
Cuộc say sưa nửa tỉnh nửa mê,
直 試 看 棠 紅 特 燦
Chực thí đã vãng hồng giải tỏ,
萬 里 春 風 回 柳 戶
Vạn lý xuân phong hồi liễu hộ,
一 輪 明 月 照 琴 臺
Nhất luân minh nguyệt chiếu cầm đai.
詩 吟 催 吼 沫 搦 斬 枚
Thơ ngâm thôi hống mạt tửa hiên mai,
渴 夜 飲 烹 茶 對 月
Khát dạ ẩm phanh trà đối nguyệt.
茹 弦 誦 南 甌 巴 珍 小 童 索 昔
Nhà huyên tụng nam, ba đứa tiểu đồng lạch nhạch,
樂 三 声 孚 嗜 兜 啼
Nhạc tam thanh đủng tiếng nhi đề,
空 麻 之 固 女 麻 之
Không mà chi có nữa mà chi,
庫 風 月 四 時 流 軋
Kho phong nguyệt tứ thì lưu loát,
変 必 通 穷 時 必 達
Biến tất thông cùng thời tất đạt.
塵 埃 中 誰 識 公 侯
Trần ai trung thùy thức công hầu,

人 生 分 外 何 求 ?
Nhân sinh phận ngoại hà cầu ?

3 趙 子 龍 一 身 都 是 膽 .
Triệu - Tử - Long nhất thân đô thị đởm ,
陣 當 陽 身 被 重 圍 .
Trận Đương-dương thân bị trùng vi ,
且 行 且 戰 馬 如 飛 .
Thả hành thả chiến mã như phi ,
抱 阿 斗 手 持 三 尺 劍 ,
Bão A - Đẩu thủ trì tam xích kiếm ,
四 面 曹 兵 誰 與 漢 .
Tứ diện Tào binh thuỳ dữ Hán ,
陣 前 何 處 是 吾 君 .
Trận tiền hà xứ thị ngô quân ,
糘 夏 侯 惇 黏 夏 侯 恩 .
Trước Hạ - hầu - Đôn , sau Hạ - hầu - Ân ,
沒 聆 衝 族 突 砲 閉 餓 杏
Một mình xông tên đột pháo bấy nhiêu lần ,
罢七 迸 巳 陣 英 雄 空 紅 .
Bảy mươi ba trận anh hùng không vướng ,
曹 唆 吶 南五 迸 蜀 將 .
Tào lùng lấy nam mười tư tướng ,
琫 玲 踦 沒 齆 鬼 童 .
Lưng linh vẽ một mũi nhỏ đồng .

旗 常 山 翁 趙 子 龍.
Cờ Thường Sơn ông Triệu - tử - Long,
一 人 敵 萬 軍 中 將 才.
Nhất nhân địch vạn quân trung tướng tài.
仌 糝 𥪡 當 戚 糝.
Lấm giai đã đáng nên giai.

Dão nướng hát 4

朝 黎 季 周 婁 烈 節
Triều Lê quý có bà liệt tiết.
迸 拎 秋 守 沒 念 西,
Mười chín thu giữ một niềm tây,
挽 戔 容 狼 淮 庵 靄.
Đem tấn dung nướng chốn am mây.
道 臣 子 情 軔 夫 婦
Đạo thần tử tình trong phu phụ.
萬 古 彝 倫 昭 宇 宙.
Vạn cổ di luân chiếu vũ trụ.
一 心 忠 義 對 君 王.
Nhất tâm trung nghĩa đối quân vương,
恚 康 康 焙 屾 鉄 輪.
Lòng khẳng khẳng giải tấm sắt son,
嚼 辛 苦 吠 唁 味 正 氣
Chén tân khổ nhấp ngon mùi chính khí,
𥪡 戚 儔 忠 臣 不 二.
Đã nên đấng trung thần bất nhị.

吏 恪 皮 烈 女 不 更.
Lại khác bì liệt nữ bất canh,

凭 紅 台 字 忠 貞 ∴
Dựng bên hai chữ trung trinh ∴

5 燄 痳 媿 磬 边 江 岂.
Cỏ mờ khói xạ bên giang ngất,

嗨 墨 哏 廟 黯 媚 扒 張
Hỏi ra rằng mười cũ vợ, chàng Trương.

併 粹 舀 笆 它 局 桑 滄.
Tính đôi tay đã mấy cuộc tang thương.

麽 廟 意 唉 胖 印 炤 炤.
Mà mười ấy hãy còn in rõ rõ,

扒 張 暝 青 翹 鞍 馭.
Chàng Trương buổi thanh giám yên ngựa,

沒 方 歪 痢 猥 眛 晚 晚.
Một phương giời mặn con mắt đăm đăm,

霽 褪 雷 祝 閧 餚 南 鮮.
Bóng lẻ loi chóc bấy nhiêu năm,

仍 審 幸 役 供 親 課 子.
Những thấm thoát việc cung thân, khoá tử,

院 旗 逊 隘 扒 澗 剃.
Ngọn cỏ ngoài ải chàng khói cửa,

隻 霽 边 烟 媄 哮 猥.
Chiếc bóng bên đèn mẹ như con,

衰怨台沒屻心貞魂.
Ai oán thay một tấm trinh hồn.

固水國貫洪衝唏俗累.
Có thủy quốc mới rửa xong hồi tục lụy.

焰貞節炟燦边江水.
Lửa trinh tiết lập loè bên giang thủy.

景恪碧麝廟唉胖印.
Cảnh khác xưa mà miếu hãy còn in.

心劚朱容婵娟./.
Lấm giường cho khách thuyền quyên./.

6 噤塵世知音罢尒仉.
Ngậm trần thế tri âm là mấy kẻ.

沒伯牙貫沒子期.
Một Bá-Nha mới một Tử-Kỳ.

蚪膞嶽唭扔曲高巍.
Ngồi suốn non ngẫm nghì khúc cao nguy.

俸丿祝情中相照.
Bổng phút chúc tình trung tương chiếu.

琴牖練愮懂調.
Cầm mảnh giây ngo ngẩn điệu,

棋秘渃汹潟扬.
Cờ bí mước vẩn vơ tay.

解同心哏哺自低.
Giải đồng tâm gắn bó tư đây.

彈 流 水 高 山 坤 吝 嗜.
Dân lưu thủy cao sơn khôn lẫn tiếng.
琴 栘 曲 知 音 羅 周 余.
Cầm chín khúc tri âm là có mấy,
沒 戰 瑣 囉 啼 覓 埃 數.
Một chén quỳnh gian giù mới ai sau.
心 之 朱 絆 悉 儳 ㇀.
Lâm chi cho bận lòng nhau.

Ngâm phú
Quan giáp hát

((吟 賦.))
Ngâm phú

戈 滝 孟 拂 旗 周 武.
Qua sông mệnh phất cờ chu vũ,
默 油 埃 掀 政 揲 乱.
Mặc dù ai sửa chính giệp loạn,
包 閘 中 吻 馭 漢 皇.
Vào Quan-trung thét ngựa Hán-hoàng,
覓 悯 仉 除 函 珍 暴 ㇀.
Mới biết kẻ trừ hung điển bạo ㇀.

Ngâm vọng cung nam.
Dão mường mưá
hát thuận nghịch.

((吟 望 宮 南))
Ngâm vọng cung nam.

1

氷 傾 隒 仍 慲 怯
Băng khuâng luống những mơ màng,
貝 愁 坤 撑 為 扎 良 君.
Bởi sầu khôn gỡ vì chàng lường quân.

眼 牙 踏 跳 塘 霊
Nhỏn nho giạo bước đường mây,
撲 招 歌 嘲 攔 捫 祝 悯
Giật giu ca vũ lan tay chúc mừng,
箕 船 董 鼎 賒 轚
Kia thuyền đủng đỉnh xa trông,
冷 汀 渡 月 慚 悉 愴 台
Lênh đênh bến nguyệt bạnh lòng buồn thay.
淒 泣 濁 麵 渚 竜 玲
Sóng nhấp nhô mặt nước long lanh,
澄 瀍 蓼 藩 沒 泠 汀 鈡 洞
Giáp giồn lá thắm nổi lênh đênh giữa dòng,
約 奴 吊 邇 頭 秋 節
Ước no nào sang đầu thu tiết,
摟 鵲 箕 擱 博 楪 枭 鳥
Muộn thước kia gác bác dép cầu ô,
啦 营 輸 鼎 置 規 模
Rập danh thâu đỉnh trí qui mô,
劇 悯 免 特 唐 虞 治 世
Dấy mừng đã được Đường, Ngu trị thế,
才 憫 退 龍 雲 會 奇
Tài muốn gặp long vân hội cả,
底 巳 秋 香 火 有 緣
Để ba thu hương hoả hữu duyên.

嶽 撩 弓 盪 銀 沼 搏,
Non treo cung dảnh ngân rửa vác,
凭 甌 鐺 效 效 坤 揀 ∴
Vững âu vàng sang sác khôn lay ∴
鯨 沒 嗙 腔 被 爍 禾,
Kình một tiếng giang vừa ló mọc,
2
耍 挕 撊 咿 曲 滄 浪,
Cay tựa chèo dống khúc thương lang,
沒 猥 船 油 育 油 昂,
Một con thuyền dù giọc dù ngang.
嶼 遡 河 水 歕 邇 五 湖,
Sớn chới hồ thủy hòm sang ngũ hồ,
嗙 楊 爭 絲 絲 笁 笁,
Tiếng dương tranh to to, trúc trúc,
彈 五 音 咿 曲 歌 敲,
Dản ngũ âm dống khúc ca xao,
悉 弦 貝 緉 汐 滿,
Lòng cang bới nói vẩn vơ,
愁 欺 毛 嗙 吶 欺 踈 嘲 ∴
Sầu khi mau tiếng nói khi thưa chào ∴

Hà liễu
Dãi mường hải.

河 柳
((Hà liễu))

1 沒 軨 扎 森 陣 戚 功,
Một mình chăng trăm trận nên công,

搆 矧 塞 北 撩 弓 嫩 兒.
Buông lên tái bắc treo cung non đoài,
德 聖 關 熙 熙 緬 覩.
Đức thánh quan hây hây một đỏ,
面 棗 重 路 路 神 威 /.
Diện táo trùng lỗ lộ thần uy /.
2 文 鄔 些 詩 杜 鬼 科.
Văn bang ta thi đỗ khôi khoa,
武 些 揲 賊 干 戈 陣 前.
Vũ ta giẹp giặc can qua trận tiền,
文 魁 元 榜 蟶 烃 烃.
Văn khôi nguyên bảng nông chơi chói,
武 公 侯 荏 荏 櫂 高.
Vũ công hầu vơi vợi quyền cao /.

Bắc phản
Dão mừng hải

北 反.
((Bắc phản))

把 船 戈 赤 壁 城.
Giẽ thuyền qua xích bích thành.
嗜 埃 鑿 廟 蘇 怦 奉 糸.
Khen ai tạc miếu tô tranh phụng thờ.
泠 汀 汏 蘿 堆 詩.
Lênh đênh một lá đôi thơ.
頭 斡 壬 子 邊 邊 律 萌.
Đầu năm Nhâm-tí gió đưa lọt mành.

Mười xướng
Dão mường hải

1

灟 逻 香 倘 吻 唆
Gió đưa hương thoảng ngát lưng,
鑲 篩 渡 柳 熄 霖 茄 村 /.
Vàng dây bến liễu khói dầm nhà thôn /.

喃 倡.
((Mười xướng))

惜 台 花 妥 边 掇.
Tiếc thay hoa nỏ bên vừng;
贊 麽 埃 悯 吻 唆 埃 能.
Chốm mà ai biết ngát lưng ai hay.
更 沒 更 台 迷 慣 醒 醆.
Canh một, canh hai mê mẩn tỉnh say,
蒲 灰 膦 粉 淡 渃 巾 緣 /.
Bồ hồi má phấn dầm dãy khăn duyên /.

鷹 拥 扛 隘 仍 咳 霜.
Nhạn giăng giăng lưỡng những e sương,

2

犀 移 物 掷 霹 楊 特 油 /.
Sao rời vật đổi bóng dương giải giầu /.
岸 枺 蟌 按 曲 琴.
Ngàn lâm ve gẩy khúc cầm,
榕 掇 古 樹 啃 鴣 嗦 唆.
Gốc cây cổ thụ tiếng chim vang lưng,
彈 橋 拍 滔 嗦 唆.
Dãn thông, phách suối vang lưng.

鮭 溪 聯 偈 鴣 棱 暄 經 ,
Cá khe lắng kẹ , chim rừng nghe kinh .

3 桃 誇 鮮 柳 怒 誇 緩 .
Đào khoe tươi liễu nọ khoe mềm .

樓 枯 芳 蓝 梗 添 蔭 株 .
Cây khô nảy nhị cành thêm ấm chồi .

褸 雷 之 閉 緣 喪 .
Lẻ loi chi mấy duyên ôi .

姮 娥 固 暱 餟 堆 庄 罟 ,
Hằng nga có thuở no đời chẳng lòi ,

4 嘫 計 功 令 特 余 曝 霤 .
Kể công lệnh giải mấy nắng mưa .

嗜 埃 搽 搏 劓 猪 絆 悉 .
Khen ai chứng vác Sóm trưa bận lòng .

仍 唼 霜 嗙 雪 迸 冬 .
Nhưng ăn sương lóng tuyết mười đông .

長 安 閬 黤 唁 懞 趁 踦 ,
Trường an muôn dặm tin mong đi về ,

渚 西 湖 冷 汎 么 之 .
Nước tây hồ lạnh leo lâm chi .

底 朱 掇 客 故 知 添 煩
Để cho giải khách cố tri thêm phiền ,

茂 得 閬 事 貯 終 ,
Đổi người muôn sự của chung .

欣 儌 洨 嗜 英 雄 麝 傕.
Hỏn nhau một tiếng anh hùng mà thôi./.

Nói nam
Đào miàng hải

吶 南
((Nói nam))

1 巴 萬 惨 斬 暆 罢 余.
Ba vạn sáu nghìn ngaỳ là mấy,
景 浮 蝳 瞶 儉 窖 嚥 嵬.
Cảnh phù - du coi thấy khéo nực cười.
傕 功 兜 遧 祕 事 芾.
Chơi công đâu nước lấy sự đời.
消 遣 摟 洨 刪 鐘 叼 哳.
Tiêu khiển muộn một vài chuông liệu lão.
輓 送 一 生 惟 有 酒.
Vãn tống nhất sinh duy hữu tửu.
沈 思 百 計 不 如 閑.
Trầm tư bách kế bất như nhàn.
鼏 栖 疎 濕 糋 霽 南 山.
Dưới giậu thưa thấp thoáng bóng nam - san.
瞭 楣 吏 九 環 瞶 拱 勉.
Ngoảnh mặt lại cửu hoàn coi cũng nhỏ.
踏 歪 坦 古 今 今 古.
Giáo giới dầu cỏ kim kim cổ,
糢 形 骸 空 囿 囿 空.
Mảnh hình hài không có có không.

路 罗 千 駟 萬 鐘 ;
Lộ la thiên tứ vạn chung ;

揚 才 情 翠 翹 第 一 .
So tai tình thuý - Kiều đệ nhất .

節 清 明 墨 掃 墓 黃 泉 .
Tiết thanh - minh ra tảo mộ hoàng tuyền .

班 斜 陽 咏 馬 淡 仙 .
Ban ta dương viếng mã Đạm - Tiên .

跡 跡 驥 及 扎 金 重 .
Giong vó ký gặp chàng Kim - Trọng .

南 五 更 想 瞰 槐 神 夢 .
Năm canh tưởng giấc hoè thần mộng .

数 姑 胖 尅 昳 風 花 .
Số cô còn nhiều lúc phong hoa .

嘆 醒 迷 抔 謾 斯 賒 .
Sực tỉnh mê nghĩ người gần xa ,

南 五 更 仍 塢 咏 朝 柳 要 .
Năm canh những ủ ê chiều liễu yếu .

斷 膓 夢 裡 根 緣 了 .
Đoạn tràng mộng lý căn duyên liễu .

薄 命 琴 終 怨 恨 長 .
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường .

朵 春 花 侈 及 旬 桑 滄 .
Đoá xuân hoa sảy gặp cuộc tang thương .

扣 膁 粉 底 戚 觴 流 落，
Deo mái phấn lẽ nên mình lưu lạc.
噤 緣 数 迸 森 南 伍 隻 莫，
Ngậm duyên số mười lần năm chếch mác.
分 紅 顏 豭 餧 艰 屯，
Phận hồng nhan nhiều nỗi gian chuân,
錢 塘 埃 窖 造 姻，
Tiền-đường ai khéo tạo nhân.

3 人 生 天 地 一 逆 旅，
Nhân sinh thiên địa nhất nghịch lữ.
固 包 饒 巴 萬 欸 斬 暱，
Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
如 梭 逆 如 霽 剃 如 學 孭，
Như thoi đưa, như bóng cửa, như gang tay.
悚 忸 穻 古 人 柬 燭，
Sợi nhớ chữ cổ nhân bình chúc.
高 山 流 水 詩 千 軸，
Cao sơn lưu thủy thi thiên trục,
明 月 清 風 酒 一 船，
Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền.
得 才 子 客 神 仙，
Người tài tử, khách thần tiên,
嘶 醐 聖 勾 詩 神 適 志，
Chén nguyệt thánh, câu thơ thần, thích chí,

江 山 意 麽 城 市 意.
Giang sơn ấy mà thành thị ấy,
兜 眾 庄 雪 月 風 花.
Dâu lai chẳng tuyết nguyệt phong hoa.
罩 勝 春 吏 秋 戈 ;
Bốn mùa xuân lại thu qua ;
4 庄 流 落 辟 硬 味 人 世.
Cảng lưu lạc sao trải mùi nhân thế.
群 塵 埃 坤 燻 稱 公 侯.
Còn trần ai khôn tỏ mặt công hầu.
岂 仰 台 猥 造 害 机 求.
Ngất ngưỡng thay con tạo khéo cơ cầu;
退 降 任 吏 檀 朱 陻 縱.
Gặp giáng nhậm lại chen cho lúng tung.
身 係 桑 蓬 終 有 用.
Thân hệ tang bồng chung hữu dụng;
人 生 豪 傑 一 無 憂.
Nhân sinh hào kiệt nhất vô ưu.
唉 停 悉 仃 斜 怨 尤.
Hay đành lòng dưng chuốc oán vưu.
時 易 至 魚 龍 變 化.
Thời dị chí ngư long biến hoá,
意 買 悯 窮 通 羅 義 奇.
Ý mới biết cùng thông lẽ nghĩa ca.

拱 停 挽 形 役 吏 求 之.
Cũng đành đem hình dịch lại cầu chi,

恪 僥 拱 沒 字 辰.
Khác nhau cũng một chữ thì;

少 之 奇 遇 少 之 姻 緣.
Thiếu gì kỳ ngộ thiếu gì nhân duyên.

靈 臺 沒 點 自 然. ./.
Linh đài một tấm tự nhiên ./.

5 明 君 良 宰 遭 逢 易.
Minh quân, lương tể tao phùng dị,

才 子 佳 人 際 遇 難.
Tài tử, giai nhân tế ngộ nan.

掬 才 情 一 品 塵 間.
So tài tình nhất phẩm trần gian.

扒 金 買 娘 翱 睏 怒.
Chang Kim mới nàng Kiều thuở nọ,

傷 哀 咍 嚴 萌 絲 覩.
Thương ôi nhỉ mảnh mành tơ tỏ.

迸 森 斡 堆 我 參 商.
Mười lăm năm đôi ngả sâm, thương.

得 懂 憹 尼 金 馬 玉 堂.
Người ngẩn ngơ nỏi kim mã, ngọc đường,

仉 嗷 嗆 跐 樓 撐 膆 粉.
Kẻ ngao ngán bước lâu xanh má phấn.

君 有 匣 中 鏡,
Quân hữu hạp trung kiểm,
妾 有 琴 上 弦,
Thiếp hữu cầm thượng huyền.
愁 坡 配 欺 阮 渚 滝 銭,
Sầu pha phối khi ngọn nước sông tiền.
緣 冷 淂 睨 蝓 穢 花 用.
Duyên lênh nổi buổi ong già hoa dụng.
絲 月 老 車 吊 固 悾.
Tơ nguyệt lão xe nào có vụng.
此 撩 劉 朱 才 子 佳 人.
Thử treo giường cho tài tử, giai nhân,
色 才 埃 仉 拎 斤 ⅟.
Sắc tài ai kẻ cầm cân ⅟.

Cung bắc
Đào nương hát.

((宮 北))
Cung bắc

習 詔 邋 妙 萌 踈.
Rập diu gió diệu manh thưa.
千 愠 仕 懶 吟 哦 解 愁.
Con buồn sẻ tranh ngâm nga giải sầu.
黃 鶯 唱 噴 器 樓.
Hoàng oanh gieó giải dưới lâu.
能 兜 迍 淳 些 侯 跱 瞳.
Hay đâu đón nước ta hầu đợi trông.

韶 光 滂 溯 鍒 生 .
Thiều quang phẳng lặng vẻ xinh .
冷 汀 垄 渚 如 幀 鼉 蝀 .
Lênh đênh giữa nước như tranh vẽ rồng ;
噤 愧 妝 景 恒 曈 .
Ngậm ngùi nhớ cảnh hằng trông .
瑽 玲 渡 月 懰 悉 恰 台 .
Lung linh bến nguyệt trạnh lòng buồn thay .
渚 沖 撑 腠 炸 鼉 僧 .
Nước trong xanh giăng giải vẻ mây ;
源 干 炸 [闕] 酥 鞣 事 茄 .
Nguồn còn giải hết chua cay sự nhà .
閉 數 些 吏 覽 些 .
Bày lâu ta lại thấy ta .
恪 芾 如 奈 妲 娥 斮 尼 .
Khác nào như ả hằng nga sau này :
春 邈 時 吏 唏 湫 .
Xuân sang thì lại chóc may .
蠵 嗃 嗜 竹 吏 迟 點 更 .
Ve kêu tiếng trúc , canh chầy điểm canh .
頭 秋 白 帝 唸 善 .
Đầu thu Bạch Đế tin lành .
蒸 暝 亭 亭 枺 北 銀 江 .
Chưng thuở đành đành cầu bắc Ngân giang .

補 欺 伺 隔 牛 郎.
Bổ khi tư cách Ngưu - Lang.

解 千 涞 深 施 紅 綿 愁.
Giải cơn sui sụt gia vuông mỏi sầu.

約 睬 芾 朱 逕 媚 鼓 牛.
Ước thở nào cho phí vợ chồng Ngâu.

學 法 机 年 施 怒 勉 鮮.
Học phép cơ mầu gia nọ kém tươi.

更 虧 摟 醐 心 恼.
Canh khuya muộn nỗi lam mui.

醝 墨 捱 悯 糊 救 包 緑.
Say ra chẳng biết sáng mai bao giờ.

遝 台 性 蓉 沟 滒.
La thay tính ở vắn vơ.

唉 群 懇 懇 蹄 蹤 伴 仙.
Hỡi cơn khản khản tới chờ bạn tiên.

腔 清 嶄 特 棋 軒.
Giăng thanh tỏ giải kề hiên.

援 萌 嗨 客 宮 仙 淮 芾.
Vén mành hỏi khách cung tiên chốn nào?

余 数 些 仍 捐 嘲.
Bấy lâu ta những quen chào.

群 咳 悬 客 洞 桃 肯 舘 庄 ⅛
Cơn e lòng khách động đào chịu chăng ⅛

Chờ khi
Dão nường hát.

渚 欺
((Chờ khi))

墨 印 壁 粉 題 詩.
Mục in vách phấn đề thơ.

南五 巴 勾 美 字 报 送 朱 扒.
Năm ba câu mỹ tự gửi đưa cho chàng.

梭 鐄 恫 緘 級 鐄.
Thoi vàng biếng giệt gửi vàng.

綿 愁 坤 捧 蹤行 扒 良 君 ./.
Mối sầu khôn gỡ về chàng lường quân ./.

1 渚 欺 渃 汜 天 津.
Chờ khi nước dầy thiên tân.

戰 嚂 曲 水 巴 旬 咄 囌 ./.
Chén sói khúc thủy ba tuần mời khuyên.

渚 欺 如 玉 鶘 緣 延
Chờ khi nhà ngọc mở duyên.

仙 桃 沒 揲 登上 蓮 囌勸 咄 ./.
Tiên đào một dịp giăng lên khuyên mời ./.

2 渚 欺 腍 永 歌 遡.
Chờ khi đêm vắng ca chèo.

冷 汀 漁 父 寬 揲 隻 船 ./.
Lênh đênh ngư phủ khoan bơi chiếc thuyền ./.

3 渚 欺 八 吆 江 边.
Chờ khi bát ngát giang biên.

Thư cách
Đào miêng hải.

1

跋 涉 幻 這 諾 源 水 況。
Ra chơi ao giá nước nguyên thủy trăm。

書 格
((Thư cách))

因 蒸 摟 筆 戚 唑。
Nhân chẳng muộn bút thay nhời。

封 書 掇 朱 得 君 子。
Phong thư gửi cho người quân tử。

餒 愴 心 事。
Nỗi niềm tâm sự。

記 鉄 輪 恒 孛 康 康。
Ghi sắt son hằng giữ khăng khăng。

讀 覽 勾 風 送 閣 藤。
Đọc thấy câu phong tống các đăng。

宮 愴 想 霎 腋 清 渚 糊。
Cung niềm tưởng bóng giăng thanh chửa sáng。

咏 宮 念 城 愁 嗷 嗆。
Vắng cung niệm thành sầu ngao ngán。

昳 昰 悲 槩 迭 伴 故 知。
Lúc bấy giờ gặp bạn cố tri。

扔 躺 姑 群 周 鍘 榮 麼。
Nghĩ mình cô còn có vẻ vang gì。

朱 客 隘 貂 愴 忙 閑。
Cho khách lường chuếnh buồn bã bấy。

朕 七 夕 霜 牛 沼 涙
Đêm thất tịch mừa ngâu lã chã.
邊 金 風 退 律 幅 禎 衢
Gió kim phong thổi lọt bức chăn cừ,
愴 凄 秋 海 癈 凄 秋
Buồn vẻ thu nỏi mệt vẻ thu.
過 愣 鍾 沛 鞠 時 鄂 丕
Quá ngán nhẽ phải sao thì chuệ vậy.
默 恚 姑 俎 吏 隆 功
Mặc lòng cô vả lại lường công.
冶 長 箕 揮 吉 波 東
Dã - tràng hìa xe cát bể đông;
蝏 蛉 怒 損 功 餧 蝒
Mình - linh nọ tổn công nuôi nhện.

2 吏 廠 喈 鼕 點 回
Canh khuya tiếng trống điểm hồi.
俻 吁 嗜 沒 咨 詳 盡
Tôi xin kể một nhời tường tận.
霹 鵭 搓 運 弦 添 調 吝 知
Bóng ác xoay vần càng thêm diếu lẫn thẩn.
啄 琴 蟜 掇 客 徘 徊
Giục cầm ve gửi khách bồi hồi,
固 字 哏 春 不 再 来
Có chữ rằng xuân bất tái lai.

泲 劒 淮 尋 尼 結 伴
Phải kiếm chốn tìm nơi kết bạn,
僻 貫 悧 姑 朱 陳 罢 義
Tôi mới biết cô châu, trần là ngãi.
吁 姑 停 豬 視 健 歙
Xin cô dừng giã kén kiện hom.
啃 是 非 隔 仍 喑 噥
Tiếng thị phi lường nhưng om xòm.
梭 瀋 淬 馭 胡 戈 剌 数
Thoi thấm thót ngựa Hồ qua cửa sổ.
歪 免 定 姻 緣 在 效
Giờ đã định nhân duyên tại số,
猥 得 些 易 余 歙 救
Con người ta rẻ mấy hòn mai,
姊 囅 媕 固 閉 餓 啞
Chị khuyên em có bấy nhiêu nhời,
媕 停 扔 嶽 胖 年 少
Em dừng nghe tuổi còn niên thiếu.

Cổ thư
Đào mường hát

古 書
((Cổ thư))

筆 花 草 書 幾 汶 幅
Bút hoa thảo thư tiền một bức,
投 遺 得 知 詩 特 能
Gửi dưa người tri thức tuyệt hay.

噤 徐 迓 客 宮 漂
Ngâm từ gặp khách cung mây.
約 澄 宮 桂 揮 綆 赤 繩
Ước Chừng cung quế xe giây xích thằng.
曲 江 陵 宮 靜 悉 更 更
Khúc Giang lăng trong lòng canh cạnh.
啦 尋 枚 鷲 嶺 更 巳
Rập tìm mai Thứu linh canh ba.
月 南 五 更 演 客 姮 娥
Nguyệt nằm canh diễn khách hằng nga.
詩 沒 昕 妚 得 悵 遠
Thơ một lúc nhớ người hoài viễn.
壎 朗 苑 藍 桃 封 謹
Huân lang uyển nhị đào phong kín.
書 掀 鴎 群 悰 悉 鴎
Thư gửi chim còn nê lòng chim.
澱 銀 江 使 蝶 隔 滝
Đành Ngân giang sứ điệp cách sông.
書 恩 魦 群 咳 脆 魦
Thư nhắn cá còn e giạ cá.
固 詩 哏：
Có thơ rằng：
隻 霽 剭 鸉 畧 恆 掑
Chiếc bóng gương loan lược biếng cài.

餒 愾 千 拋 黜 為 埃.
Nỗi niệm còn cỏ bỏi vì ai,
朗 蕩 沒 南年 迸 台二 腩.
Lãng đãng một năm mười hai tháng.
透 情 庄 咳 客 章 臺.
Thấu tình chẳng hỏi khách chường đài.

吶 浪:
Nói rằng:

織 女 牛 郎,
Chức - nữ, Ngưu - lang,
忸 忸 傷 傷.
Nhớ nhớ, thương thương.

伴 為 餒 堆 方 傷 忸.
Bận vì nỗi đôi phương thương nhớ.
脂 秋 演 銅 壺 聖 說.
Đêm thu diễn đồng hồ thánh thót.
懍 穎 悉 忸 客 遠 悢.
Cạnh riêng lòng nhớ khách viễn hoài.
妾 忸 扒 難 搾 軒 枚.
Thiếp nhớ chàng ngồi lựa hiên mai,
同 望 淮 長 安 慘 切.
Đồng vọng chồn trăng - an thảm thiết.

詩 浪:
Thơ rằng:

望長安片月則砧遠塞之寒衣.
Vọng Trang-an phiến nguyệt tắc châm viễn tái chi hàn y.
見廢陌垂楊則動戍樓之遐想.
Kiến phế mạch thuỳ dương tắc động thú lâu chi hà tưởng.
梗楊柳邊弗影弗彷.
Cảnh dương liễu giới phất phơ phất phưởng.
挍源于胝緒蓁絲.
Nghĩ nguồn cơn gia rối dường tơ.
鞘朋樂舞藒欵歌./.
Sao bằng lạc vũ hoan ca./.

Phú cách
Dão mường hát

賦格
((Phú cách))

坔南嶡炧,
Giới nam vãng vặc,
月特湳湳.
Nguyệt giải lãu lãu.
波東南鯨鰐叩頭.
Bể đông, nam kình, ngạc khấu đầu.
棱西北豺狼頫碎.
Dừng tây, bắc sài lang giáu vuốt.
垾王伯凭安楑揭.
Nền Vương, bá vững yên dường, cột,
茹村民吟剿双扜.
Nhà thôn dân ngỏ của song then,

士 砧 砧 經 聖 傳 賢
Sĩ chăm chăm kinh thánh truyện hiền.
農 棋 悃 耕 靈 鋼 颺
Nông cây cây cây máy quốc gió.
忸 磬 跡 錙
Nhớ xưa tích cũ.
漢 王 陵 得 坦 浦 中
Hán Vương Lăng người đất Bái trung.
迨 浦 時 漢 楚 爭 雄
Gặp phải thì hán, sở tranh hùng.
陵 角 志 沒 悉 斡 漢
Lang giốc chí một lòng thờ Hán.

Đại thạch.
Đào mường hát

1

大 石
((Đại thạch))

玉 徐 暄 啃 云 為
Ngọc từ nghe tiếng vân vi.
說 倠 吏 吶 盤 迷 事 悉
Thoát thời lại nói bàn mê sự lòng.
會 尼 唆 吶 界 連
Hội nay lưng lấy dưới trên.
慡 尼 迨 會 清 安 油 悉
Như nay gặp hội thanh an dư lòng.
兖 旗 頂 崗 則 暗
Ngọn cờ đỉnh núi xa trông.

奴 芾 彙 桂 合 窮 矜 救.
Nọ nāo vâng quế hợp cung truế, mai,
責 台 烏 鵲 汝 悵.
Trách thay ô thước nhớ hoài.
故 之 鞘 俸 落 類 淮 仙 /.
Cố chi sao bổng lạc loài chốn tiên /.
淮 尼 罢 淮 宮 仙.
Chốn nay là chốn cung tiên.
約 餓奴 芾 特 亜 願 念 鼈.
Ước no nāo được phỉ nguyện niềm trông.
唪 唪 鐘 撞 朖 冬.
Bổng bổng chuông rống đêm đông.
感 悉 尼 勦 隆 功 跱 蹤.
Cảm lòng nay chước luống công đợi chờ.
吝 忙 尼 埃 仉 申 踈.
Lời nhâm nay ai kẻ thân thưa.
膨 膠 特 煬 戈 於 哈 罢.
Bóng giăng giải tỏ qua ưa hay là.
朖 朖 想 彔 銀 河.
Đêm đêm tưởng dáng ngân hà.
瞳 星 星 斗 奄 巴 膠 輪.
Trông sao tinh đẩu đã ba giăng tròn.
嫩 痫 仍 義 庄 痫.
Non non nhưng nghĩa chẳng mòn.

洞 澶 渓 決 恚 憃 胖 如 印.
Đòng Cáo - khê quyết chí lòng còn như in.
情 書 封 摟 魡 鴣.
Tình thư phong mượn cá chim.
鴣 瞷 嬓 瀋 魡 瞷 域 淒.
Chim tìm non thẳm cá tìm vực sâu.
持 埃 兜 擐 啃 边 楼.
Chày ai dâu nện tiếng bên lâu.
哢 哢 鐘 撞 扱 愁 腊 清.
Bông bông chuông vàng gửi sầu đêm thanh.
客 恤 澁 霉 鶵 残 更.
Khách vui chơi bóng ác tàn canh.
憃 弪 添 噸 嗨 鄴 畀.
Lòng càng thêm tuôn hỏi bạn la.
鄴 畀 每 塘.
bạn la mọi đường.
邋 朝 埃 拱 餒 忸 女 傷.
Gió chiều ai nỡ nỗi nhớ thương.
絆 憃 尼 添 忸 傷 /.
Bận lòng này thêm nhớ thương /.
隔 格.
Khắn cách
Khắn cách
Đào mường hát
冷 汀 緣 淂 分 蘢.
Lênh đênh duyên nổi phận bèo.
1

道 倅 鞘 塊 渚 潮 浩 滿 ./.
Chốn tôi sao khỏi nước chiều tây với.

2 惜 春 暻 吏 暗 春.
Tiếc xuân ngành lại trong xuân.

傷 喪 霽 笆 云 云 熾 朝 ./.
Thương ôi bóng dâu vân vân xế chiều ./.

3 懽 憊 蹲 榕 梅 茶.
Ngần ngơ đứng gốc mai già.

嗨 咪 翁 月 固 茹 哈 空 ./.
Hỡi thăm ông nguyệt có nhà hay không ./.

4 腩 戈 熱 波 霤 源.
Đêm qua chớp bể mưa nguồn.

咳 得 知 詆 固 恤 穷 庄 ./.
Hỡi người trí thức có buồn cũng chăng.

5 院 畑 湿 焙 霽 膌.
Ngọn đèn thấp thoáng bóng giăng.

埃 拢 得 玉 喬 升 淮 尼 ./.
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này,

6 路 途 遥 遠 賒 吹.
Lộ đồ dao viễn xa xôi.

船 情 渚 沒 躺 倅 礦 之 ./.
Thuyền tình chờ một mình tôi nặng gì.

7 雪 霜 洞 夢 茶 蘼.
Tuyết sương dụng hái trà mi.

姮 娥 朗 蕩 瞋 捘 碍 憪 ,/.
Hằng nga lãng đãng chân đi ngại ngùng.

8 渚 湖 西 汀 汀 如 鬻.
Nước hồ - tây leo leẻ như giường.

邋 遢 怲 扯 沒 彔 掖 排 ,/.
Cóc mây biếng chải một dường bẻ bai.

9 矧 踈 蝱 楋 栲 梅.
Thẩn thơ dưng gốc cây mai.

霢 佰 倅 悟 霢 埃 佰 倅 忙 ,/.
Bóng tới tới ngõ bóng ai tới nhâm.

Phản huỳnh cách
Dão mường hát.

反 熒 格.
((Phản huỳnh cách))

1 云 云 慱 忸 事 情.
Vân vân sởi nhớ sự tình.

學 啄 遢 渚 習 情 戚 悁.
Học đòi mây nước tập tành nên quen.

干 草 昧 英 雄 貢 嶄.
Cỏn thảo muội anh hùng mới tỏ.

坦 蒲 州 哂 囤 僊 人 ,/.
Đất Bố - châu giàu có vi nhân ,/.

2 灡 南 風 啑 動 夢 梧.
Gió nam phong thổi dụng lái ngô.

扔 嫩 渚 弦 添 愠 忙.
Nghĩ non nước càng thêm buồn bã.

淸 岅 椋 摟 千 邊 奇.
Sóng gặp gềnh miện cỏn gió cả.
鴈 盧 踈 隔 盎 靈 滌.
Nhạn lo thơ cách đám mây lượn.
細 武 陵 噷 嗨 扒 漁.
Tới Vũ-lăng ước hỏi chàng ngư.
悲 篠 囿 景 桃 源.
Bây giờ đến cảnh đào nguyên,
包 饒 那.
bao nhiêu nả.
沒 猥 船 餞 逿 堆 巴 我.
Một con thuyền tiễn đưa đôi ba ngả,
悯 浪 兜 波 愛 源 恩.
Biết rằng đâu bể ái nguồn ân,
滝 吳 淸 氾 汲 瀝 ㇀.
Sông Ngô bóng dãy giáp gần ㇀.
3 箕 埃 淮 隆 中 高 臥.
Kìa ai chốn Long-trung cao ngọa,
拯 畀 得 圭 荏 聊 琊.
Chẳng hay người quê ở Lang-ra,
蔡 白 毛 番 唉 胖 妠.
Lều bạch mao phen hãy còn nhà,
盤 泊 放 巴 軸 天 下.
Bàn bạc chưa ba trong thiên-hạ.

劉 玄 德 已 吝 枉 駕.
Lưu - huyền - Đức bà lần uổng giá.
委 其 身 許 與 馳 驅.
Uỷ kỳ thân hứa dữ trì khu.
蓮 西 山 袱 幅 畫 圖
Lên Tây - Sơn lấy bức hoạ đồ.
錦 囊 買 排 迎 吳 氏.
Cẩm nang mới bày sang Ngô thị.
時 繼 絕 扶 衰 之 志.
Lúc kế tuyệt phù suy chi chí.
八 陣 圖 名 底 鑿 碑.
Bát trận đồ danh để tạc bia.

意 翁 諸 葛 坤 皮 ㄏ.
Ấy ông Gia - Cát khôn bì ㄏ.

荑 倡 格

((Huỳnh xướng cách))

Huỳnh xướng cách.
Quản giáp hát
và
Đào nương hát.

劉 生 徐 迓 珠 娘.
Lưu - Sinh tự gặp Châu - nương.
仍 得 君 子 施 強 丁 寧.
Những người quân tử gia cang đinh ninh.
淸 泣 濁 琴 箏 日 慶.
Song nhập nhỏ cầm, tranh nhật xúc.
董 鼎 拎 竿 竹 襖 戴 ㄏ.
Đổng đỉnh cầm can trúc áo tới ㄏ.

2

碧晉陽宮監裴寂
Xưa Tấn-dương cung giam Bùi-Tịch,
窮貝的劉文靜窮朝.
Cũng mới người Lưu-văn-Tĩnh cũng nằm.
當千愾千里之尋.
Đương cơn vui thiên lý chi tầm.
俸俏覽連城固炤.
Bổng sáy thấy liên thành có lửa.
寂嘆浪貪賤如此.
Tịch than rằng bần tiện như thử.
旵悲傑吏迨乱離.
Lúc bây giờ lại gặp loạn ly.
靜琪浪寺旬事可知.
Tĩnh cười rằng thời sự khả tri.
吾相得何憂貪賤.
Ngô tương đắc hà ưu bần tiện.
可智也隨辰而変.
Khả trí dã tuỳ thời nhi biến.
迨會凡異會龍雲.
Gặp hội nay lại hội long vân.
英雄異相天生.
Anh hùng lại tướng thiên sinh.
3 呵嗜翁呂望.
Khá khen ông Lã-Vọng.

淮 石 盤 蘚 作 賴 魁.
Chôn thạch bàn tuổi tác riêng ngồi.
紙 沒 竿 貫 霽 肢 燸.
Chỉ một can mới bóng giang soi.
鮹 渭 水 隴 瞎 媒 鸅 罌.
Cá Vị thuỷ lưỡng trông mòi thao lược.
俸 丿 覽 南五 遷 罘 渃,
Bổng phất thấy năm mây dưới nước.
霽 車 鳶 棋 遠 边 滝.
Bóng xe loan kẻ nước bên sông.
會 龍 雲 魚 水 樂 同.
Hội long vân, ngư thuỷ lạc đồng.
淚 一 陣 英 雄 竿 笁.
Nỗi nhất trận anh hùng can trúc.
泣 罘 波 賒 則 沖 濁.
Khấp bốn bể xa gần trong đục.
蘚 參八 迸 鳥 足 扮 斤.
Tuổi tám mươi tinh thục cân cân.
墨 痂 掀 禄 經 綸 /.
Ra tay sửa túi kinh luân /.

Thủng ngũ cung
Đào mường hải

嘫 五 宮
((Thủng ngũ cung))
逆 墜 俗 匹 柚 竹 抱.
Ngoài cõi tục ba rõ trúc vấn.

衷寓間巴卷圖書。
Trong ngụ gian ba quyển đồ thư。
慊以剏趣官居。
Vui lắm của thú quan cư。
暯閒挽聖賢書伴窮。
Ngày nhàn đem thánh hiền thư bạn cùng。
妋漁父累得東晉。
Nhỏ ngư phủ lại người Đông Tấn。
南五六宮𠊛眷知音。
Năm sáu cung đã quyến tri âm。
暯朗蕩腊幾爛。
Ngày lặng đặng đêm mịt mờ。
貼腠似晦貼膀似冬。
Xem giảng lúa hối xem mùa tựa đông。
妋碧得武陵人。
Nhỏ xưa người Vũ lăng nhân。
閒挽遣鼬另身江湖。
Nhàn đem thoi cũ lánh thân giang hồ。
曲琴踵踏遂梭。
Khúc cầm len lải đưa thoi。
濫漊似波更魄似鮮。
Dành sâu lúa bể canh dài tựa năm。
度尼𠊛安身矯累。
Độ nay đã yên thân kẻo lụy。

摟 楪 栜 招 務 底 占。
Mươn díp cau gieo vụ đê chiêm.

腩 冬 永 啃 寒 砧。
Đêm đông vắng tiếng hàn chầm.

懶 悬 年 少 音 悗 隊 覓。
Trạnh lòng niên thiếu âm thầm đoái nao.

慍 瞳 詩 蔓 御 溝。
Buồn trông thơ lá ngự câu.

把 撥 易 悅 哏 兜 有 情。
Giấy giuen rẻ biết rằng đâu hữu tình.

忸 埃 肺 綴 蝳 棠。
Nhớ ai nuối rói tấm oanh.

撐 攔 托 幅 萌 萌 熾 瞳。
Đứa lớn thác bức mành mành hé trông.

使 隣 鴻 坤 通 唸信 息。
Sứ lân hồng khôn thông tin tức.

慱 忸 得 知 詆 賒 澗。
Sợi nhớ người tri thức xa khơi.

冷 汀 船 栢 寬 揌。
Lênh đênh thuyền bách khoan bời.

悅 悬 揱 兌 管 之 路 遂。
Biết lòng chẳng đoái quản chi lộ đò.

斨 紅 閉 紫 妥 擱。
Nghìn hồng muôn tía nỡ đưa.

宮 珠 八 吸 琉 蘇 倘 濃.
Cung châu bát ngát lưu tô thoảng nồng.
拋 拋 泊 雪 覩 洞.
Phau phau bạc tuyết đỗ dòng.
嫩 高 尒 嶺 枚 籠 臺 花.
Non cao mấy lĩnh mai lồng đài hoa.
蓮 花 熙 海 邊 春.
Liên hoa hây hầy gió xuân.
挼 墡 蘭 木 躪 頭 槾 桃.
Cửa thềm lan mọc chen chân mận, đào.
侯 蒙 算 戢 黃 梁.
Hầu mong toan giấc hoàng lương.
吏 唻 浪 女 撑 鐄 渚 衝 /.
Lại e sóng nỗ xanh, vàng chuả xong /.

Hà vị cách
Dào mường hải.

河 渭 格.
((Hà vị cách))

嗙 唁 霜 邊 鐄 聽 夢.
Mảng tin sương gió vàng lay lá.
檢 蓮 糙 沼 渚 派 香.
Khóm sen già lỗ chỗ phai hương.
蓮 空 落 度 霜 聽.
Trên không lác đác bay sương.
繙 梭 翹 鴈 衡 陽 彭 嘶.
Loi thoi cánh nhạn Hành-dương đi về.

曲琴蜞賒嗃暎喂.
Khúc cầm ve xa kêu ánh ỏi.
桮松林唯唯朕清.
Gốc tùng lâm vui vui tẻm thanh.
征榮鳥鵲北嵾.
Chênh vênh ô - thước bác ghềnh.
徐巴蹔罢七巡情掣包.
Chờ ba đợi bảy u tình xiết bao.
僻懞幽囙嗯吶堲杏.
Tôi mong tới nhắn nhe vườn hạnh.
曰詩傳拵翹鴻鞦.
Viết thư truyền trao cánh hồng bay.
噤眄恚世淈遷.
Ngẫm xem lòng thế nước mây.
聧埃姑女捽縯動棱.
Nghe ai cô nỡ rứt giây đòng rưng.
約之蓮到宮腠.
Ước gì lên đến cung giăng.
戈斤姑迷計平余分.
Nhắc cân cô đã kể bằng mấy phân.
淮海瀕鴣嗃獗嗯.
Chốn hải tần chim kêu, vượn hót.
扔恚姑洙悴沟滝.
Nghĩ lòng cô chưa xót vẩn vơ.

侯 懞 曰 蓦 啟 詩
Hầu mong viết lá gửi thơ.
渚 瀟 東 海 憧 憧 憁 蓮 塘,
Nước về đông hải ngẩn ngơ trên đường.
脂 瞞 眵 埃 擋 持 楚,
Đêm mơ mảng ai tang chầy sớ.
餒 愴 尼 千 挑 黜 埃,
Nỗi niềm nầy cũng cúi bởi ai,
責 緣 姑 鞘 害 急 派 ㄟ
Trách duyên cô sao khéo kíp phái ㄟ.

Gửi thư.
Dão miống hài

啟 書
((Gửi thư))

1 筆 花 草 情 書 沒 幅,
Bút hoa thảo tình thư một bức.
心 事 尼 燻 煩 霽 腠 矇,
Tâm sự nầy vắng vặc bóng giăng soi,
餒 姻 緣 挑 吏 黜 歪,
Nỗi nhân duyên tem lại bởi gió.
緣 奇 遇 奄 願 嫩 貫 渚,
Duyên kỳ ngộ dã nguyền non mấy nước,
衆 脂 怒 丁 寧 徐 戮,
Trong gia nọ đinh ninh từ trước,
嗯 憑 尼 包 管 隔 闈 山,
Khắn lòng nầy bao quản cách quan sơn.

沒 珠 扇 貝 沒 銀 環.
Một châu phiến với một ngàn hoàn,
啟 吶 底 鳳 鸞 𠊛 伴.
Gửi nói để phượng loan làm bạn.
客 知 音 尒 得 遠 宦.
Khách tri âm mấy người viễn hoạn.
字 鍾 情 吁 唉 署 稍 埃.
Chữ chung tình xin hãy chớ quên ai,
啟 鴈 恩 魦 監 單 差.
Gửi nhạn nhán cá giám đơn sai.
悉 纋 渚 署 如 埃 慭 憐.
Lòng mây nước chớ như ai chênh mảng.
細 節 腠 秋 餅 糊.
Tới tiết giảng thu vẻ sáng,
北 棣 烏 連 鈡 墻 滝 銀.
Bắc cầu ô liên giữa quảng sông Ngân.
補 欺 扞 鎖 籠 春.
Bổ khi then khoá buồng xuân.
撿 禪 帳 隊 諢 蹂 跱.
Dủ đệm, trướng đôi lần chờ đợi.
低 帝 油 戚 金 改.
Dây dầy dù nên kim cải.
閣 藤 王 仃 摟 邊 退 緣.
Các đăng vương đành miện gió đưa duyên.

狩鞠朱院迸願。
Giữ sao cho vẹn mười nguyên.
繙同意鉄朱繁絜。
Giải đồng ấy thắt cho khăn khít.
唑金玉指拱日月。
Nhời kim ngọc chỉ cùng nhật nguyệt.
分風流轂迭客風流。
Phận phong lưu may gặp khách phong lưu.
本定尼揔織招様。
Vốn định nói giải chỉ gieo cầu.
産縁意鷹尋埃萌綷。
Sản duyên ấy mà tìm ai mành mối.
朱陳合沒茹佳配。
Châu, Trần hợp một nhà giai phối.
玉鷦成一対双双。
Ngọc đúc thành nhất đôi song song.
約沔仃妥朏憃。
Ước ao tạnh thoả tấm lòng.
箕連潢軟槐帛監唔。
Kìa trên bộc trong giâu nào giám nỡ,
買咍良縁由風締。
Mối hay lường duyên do trúc tơ,
佳隅自天成。
Giai ngẫu tự thiên thành.

牋 紙 攤 題 排 詩 字.
Mảnh giấy thảm đề bài thơ chữ.

想 得 箕 風 月 胞 相 思.
Tưởng người kia phong nguyệt giá tương tư.

腊 南五 更 陳 濁 昡 更 罰.
Đêm năm canh trăn trọc lúc canh tư.

暮 恭 刻 如 吹 愠 忙.
Ngày sáu khắc như xui buồn bã.

細 悲 絲 情 罣 堆 我.
Tới bây giờ tình ra đòi nga.

懶 頼 悉 孤 昧 痗 暗.
Tranh riêng lòng con mắt mỏi trông.

永 沒 暮 貼 凭 巴 冬.
Vắng một ngày xem vừng ba đông.

埃 喂 祕 鍾 情 仌 慘 切.
Ai ơi lấy chung tình làm thảm thiết.

事 黜 埃 剮 暗 救 辝.
Sự bởi ai dây trông mai đợi.

事 黜 歪 矜 忸 救 懞.
Sự bởi giờ nay nhớ mai mong.

賒 吹 只 隔 沒 孤 滝.
Xa xôi chỉ cách một con sông.

丕 戚 泙 摟 枺 烏 鷷.
Vậy nên phải muộn cầu ô thước.

船 情 礙 渚 滝 情 泮。
Thuyền tình nặng nước sông tình cạn。
悯 情 庄 咳 伴 情 人。
Biết tình chẳng hỏi bạn tình nhân。
牖 鍋 情 燸 渡 江 津。
Mảnh gương tình soi bến giang tân。
願 𢆥 固 𡎚 撑 渚 碧。
Nguyện dạ có giữ xanh nước biếc。

Bợm gái tỉnh
Dạo nường hát

姣 妈 醒。
((Bợm gái tỉnh))

隔 霍 朕 南五 更 蚓 踌。
Cách bóng giăng năm canh ngồi đợi。
解 千 愠 哈 謾 𣍐 詩。
Giải cơn buồn ngẫn nghĩ nên thơ。
春 姑 悶 仍 景 姑 𣍐。
Xuân cô muộn những cảnh cô già。
蝓 哉 左 尋 花 結 藁。
Ong tới tơ tìm hoa kết nhị,
南五 更 隘 瞞 眵 景 貴。
Năm canh lường mơ màng cảnh quí,
淮 鯰 弦 固 意 哈 𣍐。
Chồn cũ càng có ý hay nên。

固 勾 嗐 浪:
Có câu ví rằng:

一 高 罗 岗 傘 圓
Nhất cao la núi Tản - viên.
一 聲 一 色 罗 仙 蓮 垄.
Nhất thanh nhất sắc la tiên trên giời.
故 人 尋 故 人 遡.
Cố nhân tìm cố nhân chơi.
𣍐 鞘 吏 逭 仍 得 故 人.
May sao lại gặp những người cố nhân.
吏 固 勾 嗐 浪:
Lại có câu ví rằng:
得 些 蓮 岗 𧗱 憔.
Người ta lên núi thì vui.
鞘 僻 蓮 岗 仍 鼬追 穷 蹦.
Sao tôi lên núi những chui cùng treo.
岌 峉 京 丸 砂 招 撩.
Gặp ghềnh hòn đá cheo leo.
悯 兜 君 子 麽 招 躰 包.
Biết đâu quân tử mà gieo mình vào.
吏 固 勾 嗐 浪:
Lại có câu ví rằng:
僻 吁 吋 姮 鯩 月 永.
Tôi xin giời giống tròn nguyệt vàng.
得 固 緣 吏 聘 固 緣.
Người có duyên lại sánh có duyên.

吏 固 勾 嗐 浪：
Lại có câu vi rằng：
嗐 朋 得 固 悉 慢。
Vi bằng người có lòng yêu。
保 媕 揀 砆 東 潮 拱 彡。
Bảo em gánh đá Đông Chiều cũng đi。
閘 山 斬 黚 管 之。
Quan Sơn nghìn dặm quản chi。
想 得 想 湟 隊 欺 慲 眜。
Tưởng người tưởng nết đòi khi mơ màng。
吏 固 勾 嗐 浪：
Lại có câu vi rằng：
𤏩 辰 倅 揌 監 兜。
Nhẽ thì tôi chẳng giám dâu。
鯉 粗 糾 祕 統 艚 戩 庄，
Lưới thô bọc lấy nhiều tau nên chẳng。
扎 撿 如 揲 宮 腠。
Giây giun như dệp cung giăng。
和 霖 摟 邋 閣 藤 遵 緣。
Hoạ may muộn gió các dăng đưa duyên。
喝 浪
Hát rằng：
仆 糊 朱 當 戩 糊。
Làm giai cho đáng nên giai。

文 哈 武 悧 每 才 每 通
Văn hay, vũ biết mọi tài mọi thông.

南 辰 想 眙 辰 瞇
Nam thì tưởng, nhắp thì mơ.

占 包 辰 僥 純 掬 辰 空
Chiêm bao thì thấy dây sớ thì không.

冷 潦 烝 暴 腊 冬
Lạnh lưng chưng thuở đêm đông.

襖 單 沒 牖 懞 瞳 滋 节
Áo đơn một mảnh mong trông nỏi nào;

穷 儌 奄 啐 唼 嚐
Cùng nhau đã thôi nhời thề.

忌 刀 尼 底 産 棋 鑾 枚
Con giao nay để sẵn kẻ đoái mai.

嚐 浪 埃 渚 涓 埃
Thề rằng ai chớ quên ai,

綀 絲 紅 唉 群 魏 街 黏
Giấy tơ hồng hãy còn dai về sau.

責 尽 鞘 翳 粹 柬
Trách giời sao chứng rằng đông.

拯 鬱 恠 女 朱 憲 咀 嘆
Chẳng khuya chửi nứa cho lòng thở than.

珠 涞 膦 泊 坤 寒
Châu rỏi mài bạc khôn hàn.

躬 蜦 襜 弄 襖 殘 味 香.
Mênh ve xiêm lòng áo tàn mùi hương.

花 蓮 辰 妥 班 暱.
Hoa - sen thì nở ban ngay.

字 情 拯 腦 麼 醝 特 得.
Chữ tình chẳng nuộc mà say tuộc người,

拯 知 音 鞘 駔 移.
Chẳng tri âm sao nỡ nói,

彔 羿 胖 底 蓮 花 朱 眙.
Dường giống còn để trên đời cho xem.

花 萑 辰 妥 班 腩.
Hoa - nhài thì nở ban đêm;

撾 皮 清 白 弦 添 怮 懊.
So bề thanh bạch càng thêm náo nùng.

嬋 娟 彀 迭 英 雄.
Thuyền quyên may gặp anh hùng.

如 魽 固 淈 如 蟌 固 遫.
Như cá có nước như rồng có mây.

Bợm gái say
Dão mường hải.

((姾 妈 醝.))
Bợm gái say

畢 方 調 鼓 舞 歐 歌.
Bốn phương đều cổ vũ âu ca,

洞 渭 水 滝 鐊 沼 搏.
Đồng Vị - thủy sông vàng nửa vác.

𠊛 朙 覩 安 如 安 渚。
Nay mừng thấy yên như yên nước.
拯 仝 欺 慆 楠 英 婒。
Chẳng mấy khi vui mặt anh em.
欺 慆 沏 酳 棱 肉 喃。
Khi vui ao rượu rừng nem.
欺 慆 吏 妚 英 婒 伴 賢
Khi vui lại nhớ anh em bạn hiền.
一 日 清 閒 一 日 仙。
Nhất nhật thanh nhàn nhất nhật tiên.
千 年 福 享 千 年 壽。
Thiên niên phúc hưởng thiên niên thọ.
欺 滔 中 強 添 歷 事。
Khi tuổi trung càng thêm lịch sự,
塘 唼 遡 每 鉥 每 咱。
Đường ăn chơi mỗi vẻ mọi hay.
酳 糟 茶 干 醒 干 醉。
Rượu, chè còn tỉnh còn say.
干 扣 靘 酳 干 囲 戰 輪。
Còn deo bầu rượu, còn vây chén Sơn.
覩 姑 行 沫 沫 鬣 霾。
Thấy cô hàng mười mười tóc mây.
鉥 顏 色 孫 得 拱 歷。
Vẻ nhan sắc con người cũng lịch.

客 朝 得 行 待 客
Khách chiêu người, hàng đãi khách.
孤 得 坤 湟 荃 拱 禎
Con người khôn nêl ơ cũng ngoan.
美 苗 産 品 人 間
Mỹ miêu sản phẩm nhân gian.
以 朱 君 子 湟 肝 絆 恚
Lâm cho quân tử nál gan bận lòng.

固 詩 浪：
Có thơ rằng：

避 暑 迎 春 復 送 秋，
Tị thử nghinh xuân phục tống thu.
無 非 綠 蟻 滿 盃 浮，
Vô phi lục nghĩ mãn bôi phù.
百 年 莫 惜 千 年 醉，
Bách niên mạc tích thiên niên tuý.
一 盞 能 消 萬 古 愁。
Nhất trản năng tiêu vạn cổ sầu.
幾 為 芳 菲 眠 細 草，
Kỷ vị phương phi miên tế thảo.
曾 聞 雨 雪 上 高 樓，
Tằng văn vũ tuyết thượng cao lâu,
平 生 名 利 閙 心 者，
Bình sinh danh lợi quan tâm giả.

不識狂歌到白頭.

Bất thức cuồng ca đáo bạch đầu.

閒台瓢醐襫詩.
Nhàn thay bầu rượu, thơ.

沒躬董鼎乘驅解煩.
Một mình đứng đỉnh thừa lư giải phiền.

各花辰妛腦脛.
Các hoa thì nở tháng giêng.

固如花李妛頹沒務.
Có như hoa lý nở riêng một mùa.

睨忍昔花莫妛擯.
Nhìn xem hoa cỏ nở đưa.

春戈夏吏細秋拱被.
Xuân qua hạ lại tới thu cũng vừa.

森花一貴辰蘭.
Trăm hoa nhất quí thì lan.

人生一貴辰官當朝.
Nhân sinh nhất quí thì quan đương triều.

固清新固美苗.
Có thanh tân, có mỹ miêu.

空仍潴鼽希腰主用.
Không nhưng chúa rễ vua yêu chuá dụng.

世間彀仍慲忙.
Thế gian lắm kẻ mơ màng.

覽 得 輪 粉 語 鐲 攬 招 ㄟ
Chảy người son phấn ngỡ vàng chải chiu ㄟ.

vọng cổ
Dão nường hát

((望 古))
Vọng cổ

兜 兜 鬍 席 慍 圍
Dâu dâu mơ tiệc vui vầy.

嘆 唆 歌 曲 鍋 搖 悉 踈
Than lứng ca vũ vẽ với long thơ.

墨 牢 蹈 唉 群 怀
Mực sao giàu hai còn ngờ.

忸 得 朱 矯 待 徐 勿渚 忘
Nhớ người cho kẻo đợi chờ chớ quên.

渚 欺 茄 玉 開 延
Chớ khi nhà ngọc khai duyên.

仙 桃 沒 牒 墱 蓮 囉勸 迎
Tiên đào một điệp giăng lên khuyên mời.

渚 欺 腊 永 歌 謝
Chớ khi tem vàng ca chơi.

冷 汀 漁 父 寬 揲 隻 船
Lênh đênh ngư phủ khoan bơi chiếc thuyền.

渚 欺 八 呅 江 边
Chớ khi bát ngát giang biển.

吟 謝 沒 這 式 印 水 潯
Ngâm chơi ao giá thức in thủy tâm.

渚 欺 霏 捲 詞 箴.
Chớ khi bóng quấn tơ châm.

胡 術 辰 吏 秅 扵 祕 秅.
Hỡ về thì lại tay cầm lấy tay.

渚 欺 踴 玉 達 桃.
Chớ khi giấu ngọc đặt đào.

誓 礦 嗆 齊 羔 崙 嫩 記.
Thề nặng nỉ tấy dường núi non ghi.

平 吩 堆 我 彭 術
Bằng nay đòi ngả đi về,

飲? 芾 吏 覽 臤 箕 庄 羅.
No nào lại thấy người kia chăng là.

青 童 使 覓 傳 戈.
Thanh đồng sứ mới truyền qua.

文 箋 筆 免 劉 墨 救 得.
Văn tiên bút dã chép ra gửi người.

嗨 吵 細 坦 河 西.
Hỡi thăm tới đất hà - tây.

挩 幅 書 尼 朱 細 牛 郎 /.
Đem bức thư này cho tới Ngưu - lang /.

Phú độc.
Vài nường hát.

((賦 讀.))
Phú độc

隘 關 倣 羔 包 餓.
Ải quan phỏng dang bao nhiêu;

約宮柳賒吹余黛。
Ước cung liễu xa xôi mấy dặm,
篤悉吁煖唏陽
Giốc lòng xin bén hơi dương,
蹬雪衝霜芾詭管。
Dạp tuyết xông sương nào xá quản.
怏瞳瞪忸閑迟。
Thâm trông trộn nhớ bấy chầy.
想澄宮桂棗縯赤繩。
Tưởng chừng cung quế xe giây xích thằng.
竹江請軸悉更更。
Trúc giang thỉnh trong lòng canh cạnh,
啦尋尼鷩嶺交歌。
Rắp tìm nơi thiều linh giao ca,
字浪春不再来。
Chữ rằng xuân bất tái lai,
沛劍准尋尼結伴。
Phải kiếm chốn tìm nơi kết bạn.
藿娛嫌夜短。
Hoan ngu hiềm dạ đoản,
慲恍恨更長。
Mỏ mảng hận canh trường,
啦摟鴈鴈庆鯉湯。
Rắp mượn nhạn nhạn lệ tưới Thang.

懞 嗯 鮓 鮓 嫌 勾 呂.
Mong nhắn cá cá hiềm câu Lã.

邋 金 風 海 律 禎 衛.
Gió kim phong hảy lọt chăn cũ.

恤 術 秋 痗 癈 術 秋.
Buồn về thu mỏi mệt về thu.

過 愣 鑅 沛 鞘 鄨 丕 /.
Quá ngán nhẽ phải sao chịu vậy /.

Nói khỏ.
Nào miềng hiết.

吶 阻
((Nói khỏ))

軒 枚 睏 永.
Hiên mai thưở vắng.

想 姻 緣 彭 餧 嗳 嗎.
Tưởng nhân duyên nhiều nỗi nực cười.

得 遙 遠 客 粧 臺.
Người dao viễn khách trang đài.

責 恚 詧 墨 頍 変 改.
Trách lòng ở ra loài biến cải.

俸 丿 祝 貪 鐄 補 義.
Bổng phiết chốc tham vàng bỏ nghĩa.

極 忸 其 彭 沒 轉 艀.
Chẳng nhớ khi đi một chuyến đò.

慳 戠 則 恄 戠 賒.
Yêu nên gần ghét nên xa.

Dẫn lễ
Dâu muống hải

1

得 蹉 世 罢 悬 单 薄。
Ngươi ở thế ra long đơn bạc,
啐 心 事 交 言 暱 戮。
Nhời tâm sự giao ngôn ngay trước.
余 腦 吟 麽 𠓨 速 衆 情。
Mấy tháng nay mà ta chúng quên.
歟 鞠 蹉 世 朱 戒 〃
Ngươi sao ở thế cho nên 〃

弹 吶。
((Dẫn lễ))

責 猥 造 化 拯 公。
Trách con tạo hoá chẳng công.
賴 捺 浩 襍 絲 紅 拯 揀。
Vai mang dây tui tơ hồng chẳng xe,
永 暄 琴 哮? 于 為。
Vẳng nghe cầm dông vo ve,
珠 洙 隆 仍 揆 揀 妚 暗。
Châu rơi luống những nuốt rẽ nhỏ trùng.
慲 悭 世 態 龍 冬。
Mỏ mang thế thái long đong.
暱 腊 冬 銅 壺 聖 說。
Chưa đêm đông đồng hồ thánh thót,
逊 墖 蘭 點 滨 鐄 篩。
Ngoài thềm lam điểm giọt vàng rây.

扔 源 干 嗲 嗆 錦 台.
Nghĩ nguồn còn nghiền ngẫm thay.

線 絲 女 底 棲 練 織 萌.
Bởi tơ nỏ để xe giây chỉ mành.

於 曲 素 膞 蚕 貝 綰.
Chín khúc oanh nuột tằm bời nỏi,

想 渚 嫩 農 餒 強 添.
Tưởng nước non nông nỗi càng thêm.

肝 鐳 害 焙 拱 鯬.
Gan vàng khéo nấu cũng mềm.

胡 炕 少 吏 渚 淹 眡 槐.
Hỡ thiu thỉu lại chửa êm giấc hoè.

鳧 特 棋 如 吹 悉 仉.
Thờ giải kẻ như xui lòng kẻ.

綿 愁 尼 刊 批 徘 兜.
Mối sầu này san sẻ về đâu.

滝 銀 渚 北 揲 抹.
Sông ngàn chửa bác díp cầu.

得 芾 極 虎 連 頭 撐 撐.
Người nào chẳng hỡ trên đầu xanh xanh.

愛 思 擱 底 仃 仃 /.
Ơi ân gác để dành dành /.

染 信 秋 梧 桐 芳 蓦.
Nhuộm tin thu ngô đồng này lá,

欖蓮糝沼渚坡霜.
Khóm sen già lỏ chỏ pha sương.
遷孫落度岸湘.
Mây tuôn lác đác ngàn tương.
雷催箕鴈衡陽緦踈.
Lôi thôi kìa nhạn Hành-dương bay về.
曲彈琴吁喲暎喂.
Khúc đàn cầm vo ve ánh ỏi.
昳臨庭為味脂清.
Lúc lâm đình với vời đêm thanh.
溟濛育渚昂溫.
Mênh mông giọc nước ngang dành.
除巳限默心情掣兜.
Chờ ba hạn bảy tấm tình xiết đâu.
蓼紅且渚泏潸.
Lá hồng thả nước ngòi cầu.
封書嚆咭:悉儼徘徊.
Phong thư kẻo ghét lòng nhau bồi hồi.
渚遠盃撐撐沒色.
Nước trên giời xanh xanh một sắc.
月棋扜黨烕如鈞.
Nguyệt cài then vàng vặc như gương.
溟濛壘彼岸霜./.
Mênh mông bãi bể ngàn sương./.

Ngũ canh khuyến học.
Bài mường hai

五更勸學.
Ngũ canh khuyến học.

聽晨鼓聲.
Bây giờ đã hồ sang trống mới.
鳥棲鴉噪.
Chim bay về suốn núi Lịch Sơn.
蛬喈愁鳥應喻彈.
Ve gọi sầu chim nhạn như đàn.
滝沫潮帆衛船彼.
Sông lai láng buồm về gác bể.
嫩兌曼鉦正鐄霽熾.
Non đoài quanh chiêng vàng bóng xế.
禪兜戈董鼎哨鉀.
Thuyền đâu qua đứng đỉnh tiếng chày.
樵舂升遒檜簪庵靄.
Tiều thung thăng chờ cửi chất am mây.
牧敲哓攢樓粥田野.
Mục xao xác giắt trâu về điền dã.
漁擱紕鞧澥從且.
Ngư gác chài ngồi chơi thong thả.
耕挍耜慐沫清台.
Canh giữa cây nghỉ mát thanh thơi.
妾噆勸扎炤炤書齋.
Thiếp khuyên chăng rớm lửa thư trai.

温 經 史 書 堂 素 講.
Ôn kinh sử thư đường tố giảng.

嗩 唕 噴 銅 壺 奄 泮.
Tiếng giúc giỉ đồng hồ đoạ cạn,

仍 陰 恍 更 奄 迴 台二.
Nhưng âm thầm canh đa sang hai,

茹 海 棠 剳 揀 扜 棋.
Nhà hải đường cửa đóng then cài,

廱 夜 合 樓 輪 鉄 課.
Buồng dạ hợp lâu son sắt khoá,

滝 渭 水 霏 朕 噴 貝 魡.
Sông Vị - thủy bóng giăng giỏn với cá,

岕 岐 山 竝 砂 栘 蹟.
Núi Kỳ - Sơn lớp đá cây chen.

波 寒 江 彷 彿 清 閒.
Bến hàn giang phảng phất thanh nhàn.

茄 碧 趣 炤 螢 湿 糋.
Nhà biếc thú lửa huỳnh thấp thoáng.

滝 波 聖 駭 胖 涕 溯.
Sông, bể thánh hải còn lai láng.

妾 嚾 扒 蹟 波 波 濤.
Thiếp khuyên chàng vượt bể ba đào,

塘 功 名 潴 砑 勤 劳.
Đường công danh chớ ngại cần lao.

從 家 室 𠊚 仃 固 帝.
Việc gia thất đã tạnh có đây.

聖 賢 𠊚 吠,
Thánh hiền đã giậy,

少 小 須 勤 學.
Thiếu tiểu tu cần học,

文 章 可 致 身.
Văn chương khả trí thân.

迎 更 巴 嗚 鵾 寬 嗥.
Sang canh ba tiếng gà khoan giọng,

帶下 軒 日 梗 梅 戲 霎.
Dưới hiên nhật cảnh mai hé bóng,

連 慲 怪 月 煬 姮 娥.
Trên mờ màng nguyệt giải hằng nga.

外 潭 潭 白 雪 染 沙,
Ngoài đầm đầm bạch tuyết nhuộm sa.

𠓨 𠳔 讀 卷 鐀 能 嗯.
Trong luôn đọc quyển vàng năng nỏ.

劍 虧 妾 嚼 扒 蘇 乳.
Sớm khuya thiếp khuyên chàng to nhỏ.

戢 槐 淹 慢 董 襘 溫.
Giấc hoè êm mãn Đồng, gối Ôn.

迎 更 罰 吟 嗚 迍 逶.
Sang canh tư vơn tiếng đời đưa.

鄙 畑 杏 囉 勧 扎 講 業.
Dưới lên hạnh khuyên chăng giảng nghiệp,

妾 狩 蹟 踏 蹟 踐,
Thiếp giữ chân giầy, chân miệt. (giép)

扎 暯 温 經 聖 傳 賢
Chăng ngay ôn kinh thánh truyện hiền,

迎 更 南五 辟 斗 未 蓮.
Sang canh năm sao đầu mọc lên,

渚 印 帖 如 村 鄭 斕 /.
Chùa in thiếp nhà thôn Dịch nở /.

Hát nói
Dão mường hát.

1

唱 吶
((Hát nói))

清 風 月 白.
Thanh phong nguyệt bạch,

蘇 東 坡 赤 壁 之 遊.
Tô - đông - Pha xích - bích chi du,

昔 逢 秋 今 又 逢 秋.
Tích phùng thu kim hựu phùng thu,

千 古 豪 情 人 未 老.
Thiên cổ hào tình nhân vị lão.

梧 桐 月 向 怀 中 照.
Ngô đồng nguyệt hướng hoài trung chiếu;

楊 柳 春風 来 面 上 吹.
Dương liễu xuân lai diện thượng xuy.
phong

問南樓此夜何其，
Vấn nam lâu thử dạ hà kỳ.

江村只見天边鴈，
Giang thôn chỉ kiến thiên biên nhạn,

玉笛一聲寒燈一盞，
Ngọc địch nhất thanh hàn đăng nhất trản,

悵佳人今不能忘，
Thoái giai nhân hề bất năng vong.

秋風蘭秀菊芳，
Thu phong lan tú cúc phương,

2 既自以心為形役，
Ký tự dĩ tâm vi hình dịch,

三十年回首是何如，
Tam thập niên hồi thủ thị hà như,

菊松三徑是吾廬，
Cúc tùng tam kính thị ngô lư.

尚詩賦獨吟還獨笑，
Cửu thi phú độc ngâm hoàn độc tiếu.

新鏡霜毛愁自照，
Tân kính sương mao sầu tự chiếu,

故鄉鱸鱠夢初還，
Cố hương lư khoái mộng sơ hoàn.

算此身歷閱幾江山，
Toán thử thân lịch duyệt kỷ giang sơn.

而今覺迷途之未遠
Nhi kim giác mê đồ chi vị viễn.
萬里征鴻君不見
Vạn lý chinh hồng quân bất kiến.
倦飛之鳥已知歸
Quyện phi chi điểu dĩ tri quy,
鷦鷯不過一枝
Tiêu liêu bất quá nhất chi.

3 潯陽江頭夜送客
Tầm dương giang đầu dạ tống khách,
楓腰疎湿蓼邊城
Bồng giang sơ thấp thoáng bên thành.
彈琵琶埃害救穢生
Dan tì bà ai khéo gảy nên xinh.
吹悉客天台陰仍
Xuy lòng khách thiên thai lường những.
哀怨窪罘練永永
Ai oán nhẽ bốn giây vắng vắng.
餒不平如泣如訴如怨如嘆
Nói bất bình như khấp như tố như oán như than.
嚥咽其台舌分紅顏
Nuốc cười thay cái phận hồng nhan.
芾仍客五陵兜永佐
Nào những khách ngũ lăng đâu vắng tá.

雲水茫茫天五夜
Vân thuỷ mang mang thiên ngũ dạ,
悲笳曲曲月三更
Bi - bà khúc khúc nguyệt tam canh,
渡灣陽景收拾包情
Bến tâm - dương cảnh ấy xiết bao tình.
船沒蓦掩捺蹴印霽月
Thuyền một lá buồng đi về in bóng nguyệt.
得遠客悯座拯悯
Người viễn khách biết chăng chăng biết,
曲弹凡悯煉穷埃
Khúc đàn này biết tỏ cùng ai,
江頭幸有客来
Giang đầu hạnh hữu khách lai.
4 局功名空空固固
Cuộc công danh không không có có,
固哏空空固拱吟
Có ràng không không có cũng ư.
芾埃咍歪坦伯包篠
Nào ai hay giời đất tự bao giờ.
芾鱼戢嫩滝陀余穢
Nào đá chắc non sông đã mấy tuổi.
渾渾一大塊
Hỗn hồi nhất đại khối.

嫋 嫋 如 蟻 群.
Diểu diểu như nghĩ quần.
律 悉 罣 埃 拱 圄 君 親.
Lọt lòng ra ai cũng có quân thân.
拦 祕 嬇 包 辰 沛 者.
Mang lấy nợ bao thì phải giả.
板 今 古 催 排 吏 撢.
Ván kim cổ thôi bấy lại xoá.
丐 黷 眉 吊 惻 瘣 咍 坤.
Cái tu my nào biết dại hay khôn.
森 斡 拱 沃 嗜 吨 ./.
Trăm năm cũng một tiếng đồn ./.

5 要 爲 天 下 奇 男 子.
Yếu vi thiên hạ kỳ nam tử.
湏 歷 人 間 萬 里 程.
Tu lịch nhân gian vạn lý trình.
奄 啐 拦 丐 嬇 功 名.
Dã trót mang cái nợ công danh,
丕 戚 沛 蹟 遡 朱 隒 縱.
Vậy nên phải chen chúc cho lúng túng.
天 生 我 才 必 有 用.
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
千 金 散 盡 還 復 来.
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.

仉 英 雄 之 矸 昳 塵 埃.
Kẻ anh hùng chi ngại lúc trần ai,
催 仃 咍 佮 僉 餼 離 踦 跋.
Thôi đứng kẻ mấy nhiêu năm rề trước.
憃 弧 矢 嚳 穷 嫩 渃.
Lòng hồ thỉ thề cùng non nước,
會 功 名 仉 跋 得 黏.
Hội công danh kẻ trước người sau.
連 花 埃 劍 埃 兜 小
Trên đời ai kiếm ai đâu ?.

6

梧 桐 一 葉 落.
Ngô đồng nhất diệp lạc,
天 下 共 知 秋.
Thiên hạ công tri thu.
十 分 明 鏡 滿 南 樓.
Thập phần minh kính mãn nam lâu.
鴈 聲 斷 衡 陽 之 浦.
Nhạn thanh đoạn hành-dương chi phố,
孤 鶴 半 天 橫 白 露.
Cô hạc bán thiên hoành bạch lộ,
遊 魚 一 樂 舞 秋 風.
Du ngư nhất lạc vũ thu phong.
姑 蘇 城 外 寒 鐘.
Cô-tô thành ngoại hàn chung.

半夜落江楓漁火，
Bán dạ lạc giang phong ngư hoả.
與客遊於赤壁之下，
Dữ khách du ư xích bích chi hạ,
一蘭船泛泛逆江間。
Nhất lan thuyền phiếm phiếm nghịch giang gian.
少焉月出東山，
Thiếu yên nguyệt xuất đông sơn,
人生適志，
Nhân sinh thích chí,
拯之欣歲月遨遊。
Chẳng gì hân tuế nguyệt ngao du.
詩一卷酒一壺。
Thi nhất quyển tửu nhất hồ.
欺從且茶茶醁醁，
Khi thong thả chè chè rượu rượu,
唐虞揖遜三杯酒，
Đường, Ngu ấp tốn tam bôi tửu,
湯武征誅一局棋。
Thang, Vũ chinh tru nhất cục kỳ,
坤頑默仇退辰，
Khôn ngoan mặc kẻ gặp thì,
趣恬趣人生貴適。
Thú vui thu nhân sinh quý thích.

脗 眼 啃 彈 孤 讀 册.
Đêm nghe tiếng đàn con đọc sách.
拯 之 愠 欣 道 聖 賢.
Chẳng gì vui hơn đạo thánh hiền.
停 咍 無 事 小 神 仙.
Đành hay vô sự tiểu thần tiên.
歲 有 四 時 春 在 首.
Tuế hữu tứ thời xuân tại thủ.
人 兼 五 福 壽 為 先.
Nhân kiêm ngũ phúc thọ vi tiên.

迨 會 節 節 春 天.
Gặp hội lành tiết xuân thiên.

囲 席 玉 盤 茶 歠 酟
Vây tiệc ngọc bàn chè bầu rượu.
樂 事 可 人 佳 有 酒.
Lạc sự khả nhân giai hữu tửu.
四 時 佳 景 不 如 春.
Tứ thời giai cảnh bất như xuân.
天 不 生 無 祿 之 人.
Thiên bất sinh vô lộc chi nhân.
地 不 生 無 根 之 草.
Địa bất sinh vô căn chi thảo.
勸 君 子 濟 辰 行 道.
Khuyên quân tử tế thời hành đạo.

唉 退 耑 修 德 就 閒.
Hãy gặp thời tu đức tuc nhàn.

攸 攸 名 利 不 干.
Du du danh lợi bất can.

9 世 事 升 沉 君 莫 問.
Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,
烟 波 深 處 有 漁 舟.
Yên ba thâm xứ hữu ngư chu,
扵 栖 朝 扑 事 兜 兜.
Vất tay nằm nghĩ sự đâu đâu.
挩 夢 事 对 尒 眞 身 辰. 拱 癈.
Đem mộng sự đối mấy chân thân thì cũng một.
惟 江 上 之 清 風.
Duy giang thượng chi thanh phong.
與 山 間 之 明 月.
Dữ sơn gian chi minh nguyệt.
庫 歪 終 鰲 無 盡 貝古 骼 頼.
Kho giời chung mà vô tận của mình riêng,
局 旋 骼 付 默 围 灵.
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng,
埃 城 市 默 埃 林 薮.
Ai thành thị mặc ai lâm tẩu,
拈 揲 祕 讀 勾 相 進 酒.
Gõ dịp lấy đọc câu tương tiến tửu.

君不見
Quân bất kiến.

黃河之水天上来，
Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai,
心之朱癡沒花½
Lâm chi cho mệt một đời.
船蘭弭弭.
Thuyền lan nhẹ nhẹ.

10

沒狷潮董鳥蹠湖西.
Một con chèo đứng đỉnh giáo hồ - tây.
溝潛澗色渚吝朝遲.
Sóng giáp gián sắc nước lẫn chiều mây.
八呅底嬌得遊覽.
Bát ngát để gheo người du lãm.
烟水自生無限感.
Yên thủy tự sinh vô hạn cảm.
秋風回首每傷心
Thu phong hồi thủ mỗi thương tâm.
醙溜凌歟懞痂伴知音.
Rượu lưng bầu mong mỏi bạn tri âm.
春永鉧悯穷埃吟和.
Xuân vắng ee' biết cùng ai ngâm hoạ.
邋海海噫味香麝.
Gió hây hây nức mùi hương xạ.

瞭 瞳 墨 壁 粉 画 題 排.
Nhác trông ra vách phấn đã đề bài,
詩 埃 吁 纔 沒 排.
Thơ ai xin nối một bài.

紅 紅 雪 雪.
Hồng hồng, Tuyết tuyết.

忸 日曩 爺 群 渚 悯 丐 之 之.
Nhớ ngày nào còn chửa biết cái chi chi.
迸 森 鮮 濛 淳 周 賒 之.
Mười lăm năm thấm thoát có xa gì
瞿 麵 吏 画 細 期 絲 柳.
Ngành mai lại đã tới kỳ tơ liễu.

昔 我 遊 辰 君 尚 少.
Tích ngã du thì quân thuở thiếu,
今 君 將 嫁 我 成 翁.
Kim quân tuổng giá ngã thành ông.
嗤 嗤 吶 吶 昫 相 逢.
Cười cười nói nói lúc tương phùng.
鬗 白 髮 貝 紅 顏 澄 愛 碍.
Mà bạch phát với hồng nhan chẳng ái ngại.
賴 沒 趣 青 春 趁 吏.
Riêng một thú thanh xuân đi lại
窖 疼 疼 瘐 庵 為 情.
Khéo ngây ngây dại dại vì tình.

彈 埃 沒 啃 楊 爭
Dān ai một tiếng dương tranh.

庄 流 落 鞠 硬 味 人 世
Chẳng lưu lạc sao trải mùi nhân thế.

群 塵 埃 坤 燻 麵 公 侯.
Cõn trần ai khôn tỏ mặt công hầu.

嗜 吟 台 猥 造 窖 机 求.
Nghiến ngâm thay con tạo khéo cơ cầu.

恆 降 任 唉 撋 朱 陻 縱.
Rắp giáng nhậm hãy gìm cho lúng tùng.

身 係 桑 蓬 終 有 用.
Thân hệ tang bồng chung hữu dụng,

天 生 豪 傑 一 無 憂.
Thiên sinh hào kiệt nhất vô ưu.

駭 仃 悉 濁 悴 怨 尤.
Hãi danh lòng chớ chuốc oán vưu,

辰 易 至 魚 龍 変 化.
Thời dị chí ngư, long biến hoá.

意 尒 悯 穷 通 罢 命 奇.
Ý mầy biết cùng thông là mệnh cả,

拱 仃 挽 形 孜 吏 求 之.
Cũng dưng đem hình dịch lại cầu chi,

欣 儻 拱 沒 穿 時.
Hỏn nhau cũng một chữ thì.

少之奇遇少之良緣.
Thiếu gi kỳ ngộ thiếu gi lương duyên.
靈臺沒點伹然./.
Linh tai một tâm tự nhiên./.

13 要為天下奇男子.
Yếu vi thiên hạ kỳ nam tử.
須歷人間萬里程.
Tu lịch nhân gian vạn lý trình.
啐多芒丐嫻才情.
Trót da mang cái nợ tai tình.
於辰沛料躰墨放縱.
Ư thì phải liệu mình ra phóng tứng.
天生我才必有用.
Thiên sinh ngã tai tất hữu dụng.
千金散盡還復来.
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
儅男兒渚砑跐塵埃.
Đáng nam nhi chớ ngại bước trần ai.
催停啫計沒台二辭戮.
Thôi dừng kể một hai năm trước.
恠丕坦當凡罕特.
Nhỡ giời đất phen nay hẳn được.
會功名仉戮得點
Hội công danh kẻ trước người sau.

英雄埃劍埃兜。
Anh hùng ai kén ai đâu。

寒儒未遇，
Hàn nho vị ngộ，

業詩書烟册專勤，
Nghiệp thi thư đèn sách chuyên cần，

皇天不負讀書人，
Hoàng thiên bất phụ độc thư nhân，

兜固鑾狹凡蓬蓽，
Đâu có nhẽ hẹp nòi bồng tất，

黃卷青燈無日不，
Hoàng quyển, thanh đăng vô nhật bất，

綠袍銀帶有時而，
Lục bào, ngân bất hữu thời nhi，

噲戮點埃拱沒辰，
Đầu trước sau ai cũng một thì，

擯陣筆底記功史册，
Dùa trận bút để ghi công sử sách，

嫩蔡詔凌凌撿瀝，
Nọ liễu chiếu lăng lăng giữ sạch，

拱風流朱補旹塵埃，
Cũng phong lưu cho bõ lúc trần ai，

学哏否極泰来。
Chữ rằng bĩ cực thái lai。

人生天地一逆旅.
Nhân sinh thiên địa nhất nghịch lữ.
同包饒巴萬欵彩暱.
Cộ bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
如梭退如霎剗如斧斨.
Như thoi dưa, như bóng cửa, như gang tay.
悊妝特古人柬燭.
Sợi nhớ chữ cổ nhân bình chúc,
高山流水詩千軸.
Cao sơn lưu thủy thi thiên trục.
明月清風酒一船.
Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền.
得才子客神仙.
Người tài tử khách thần tiên.
嘫醪聖勾詩神適志.
Chén rượu thánh câu thơ thần thích chí,
江山意麽城市意
Giang sơn ấy mà thành thị ấy,
兜極罢雪月風花.
Dâu chăng là tuyết nguyệt phong hoa.
罕務春吏秋戈.
Bốn mùa xuân lại thu qua.
自古紅顏多蹈命.
Tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh.

慍 朱 埃 麽 吏 惜 朱 埃、
Buồn cho ai mà lại tiếc cho ai,
緣 終 征 月 嘆 花 嗜、
Duyên chồng chênh nguyệt mỉa hoa cười,
過 悽 鍾 桃 仙 涞 墏 俗、
Quá ngán nhẽ đào tiên nơi cõi tục,
𢆥 恄 翦 鸞 撩 價 玉、
Dẫu rập giường loan treo giá ngọc,
女 悢 之 鴣 鴝 杜 梗 梅、
Nỡ hoài chi chim cú đỏ canh mai,
春 群 撐 緣 唉 群 踓、
Xuân còn xanh duyên hãy còn dài,
此 赧 那 眄 机 前 定、
Chử nân ná xem cơ tiền định,
咍 月 老 凭 拎 綀 赤、
Nhắn nguyệt lão vững cầm giây xích,
客 佳 人 揨 貝 客 文 人、
Khách giai nhân xe với khách văn nhân,
榮 花 補 昳 風 塵 丫、
Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
人 生 貴 適 志、
Nhân sinh quí thích chí,
拯 之 欣、
Chẳng gì hơn,

錢 朱 尭，嫋 朱 鰈，
Tiền cho nhiều, dao cho dẹp,
彈 朱 吭，喝 朱 咍，
Dàn cho ngọt, hát cho hay,
極 風 流 朱 世 俗 惻 釆，
Cực phong lưu cho thế tục biết tay,
庫 無 尽 消 耒 吏 固
Kho vô tận tiêu rồi lại có,
席 上 李 桃 如 有 主，
Tịch thượng lý, dao như hữu chủ,
百 班 花 草 更 伊 誰，
Bách ban hoa thảo cảnh y thuỳ,
欺 咩 酳 欺 讀 賦 欺 吟 詩，
Khi uống rượu, khi đọc phú, khi ngâm thơ,
收 摂 奇 繁 花 包 汶 局，
Thu xếp cả phồn hoa vào một cuộc,
風 景 仄 極 遫 拱 俗，
Phong cảnh ấy chẳng chơi cũng tục,
弦 遫 朱 喝 漢 邊 胡，
Cũng chơi cho hết Hán sang Hồ,
喝 秦 邊 楚 喝 吳 邊 牢，
Hết Tần sang Sở, hết Ngô sang Lào,
風 流 埃 劍 埃 希 ？
Phong lưu ai kém ai nào ?


M
P. P.
R